



KHÓA ĐÀO TẠO XÂY DỰNG VÀ ÁP DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC CHO SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

AHEAD
grow together



Kon Tum, tháng 12 năm 2021

1

NỘI QUY

AHEAD
grow together



Tham gia đầy đủ,
đúng giờ



Lắng nghe và
chia sẻ ý kiến



Không sử dụng điện thoại hoặc
vui lòng chuyển chế độ im lặng

2

NỘI DUNG CHÍNH

1. GIỚI THIỆU VỀ QUYẾT ĐỊNH 100/QĐ-TTg VÀ ĐỊNH HƯỚNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC
2. TỔNG QUAN VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC
3. MÃ SỐ MÃ VẠCH THEO GS1
4. QR CODE
5. THỰC TRẠNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC TRONG NÔNG NGHIỆP, THỰC PHẨM
6. XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC
7. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRONG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

3

QUYẾT ĐỊNH SỐ 100/QĐ-TTg VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 100/QĐ-TTg Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc

CÔNG THÔNG TIN ĐIỂN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN:
Ngày: 19/01/2019

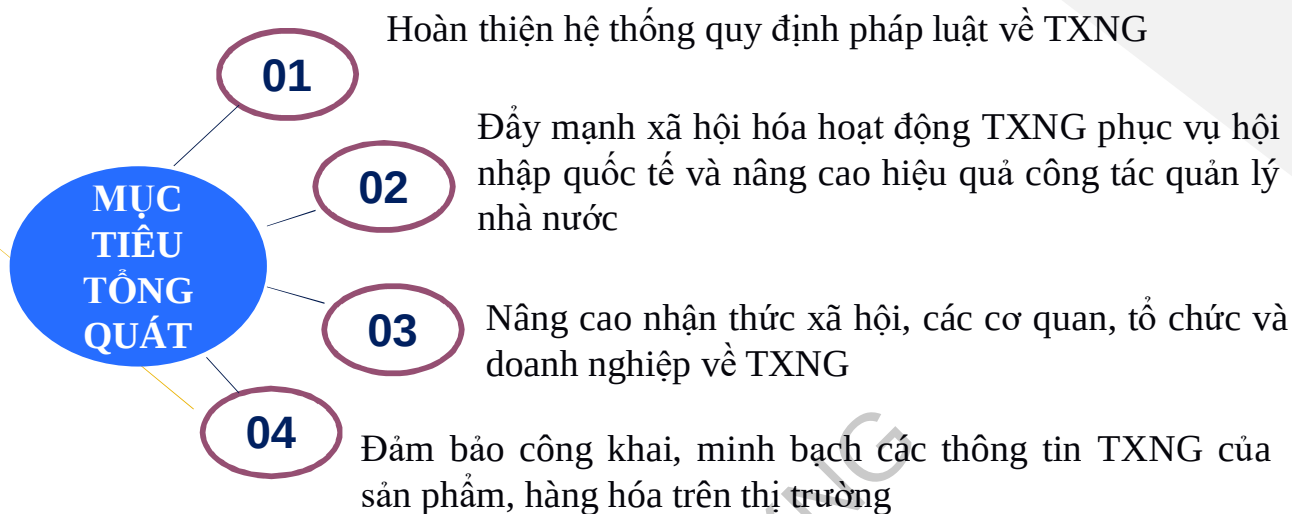
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;
Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:
Điều 1. Phê duyệt “Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc” (sau đây viết tắt là Đề án) với nội dung chủ yếu sau đây:

I. MỤC TIÊU
1. Mục tiêu tổng quát
a) Hoàn thiện hệ thống quy định pháp luật, văn bản, tài liệu hướng dẫn về truy xuất nguồn gốc.
b) Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động truy xuất nguồn gốc để phục vụ hội nhập quốc tế và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, bảo đảm chất lượng, tính an toàn của sản phẩm, hàng hóa.
c) Nâng cao nhận thức của xã hội, các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp về truy xuất nguồn gốc thông qua việc đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, đào tạo cho các bên liên quan.

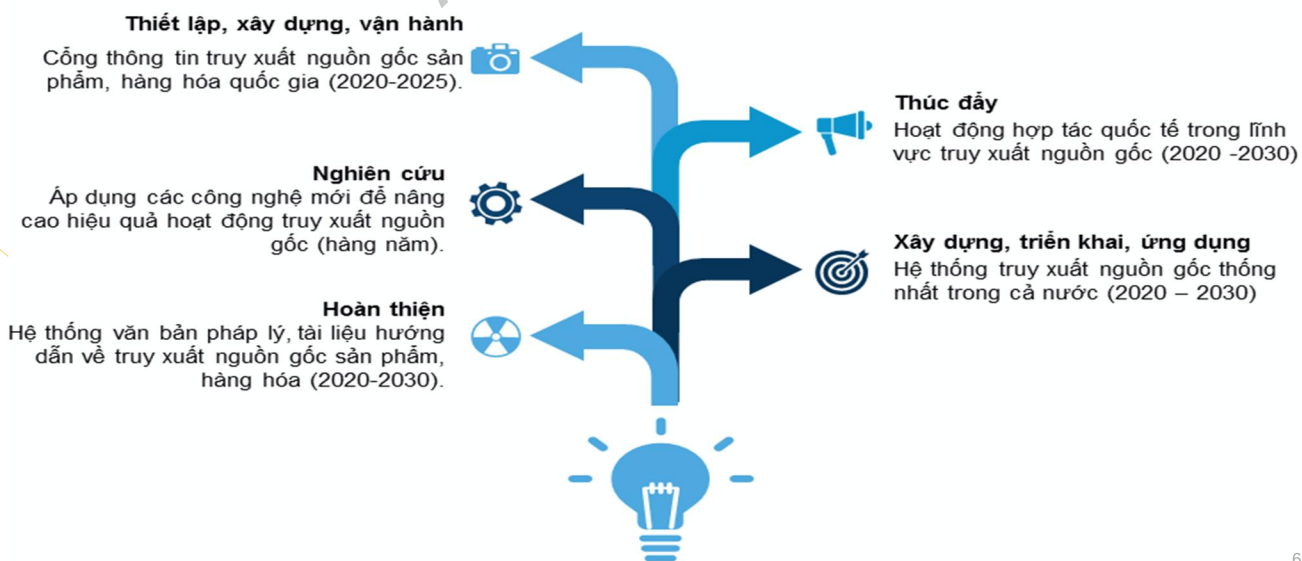
4

ĐỊNH HƯỚNG CỦA NHÀ NƯỚC TRONG QUẢN LÝ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC



5

ĐỊNH HƯỚNG CỦA NHÀ NƯỚC TRONG QUẢN LÝ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC



6

ĐỊNH HƯỚNG CỦA NHÀ NƯỚC TRONG QUẢN LÝ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC



Mục tiêu đến năm 2020

- § Rà soát các văn bản quy định về quản lý, triển khai áp dụng và xử lý vi phạm về TXNG.
- § Xây dựng, ban hành tối thiểu 05 tiêu chuẩn quốc gia, 01 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về TXNG.
- § Triển khai, áp dụng hệ thống TXNG với nhóm hàng hóa nông lâm thủy sản, thực phẩm, thuốc chữa bệnh.
- § Xây dựng và đưa vào vận hành Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia.

7

ĐỊNH HƯỚNG CỦA NHÀ NƯỚC TRONG QUẢN LÝ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC



Mục tiêu đến năm 2025

- § Hoàn thiện cơ bản hệ thống các văn bản quy định về quản lý, triển khai áp dụng và xử lý vi phạm về TXNG.
- § Xây dựng, ban hành tối thiểu 30 tiêu chuẩn quốc gia, 02 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về TXNG, tài liệu hướng dẫn cho từng nhóm sản phẩm cụ thể.
- § Tối thiểu 30% doanh nghiệp hoạt động lĩnh vực SXKD dịch vụ sử dụng mã số, mã vạch có hệ thống TXNG áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế.
- § Hoàn thiện, nâng cấp Cổng thông tin TXNG quốc gia, kết nối 100% hệ thống TXNG các bộ, cơ quan liên quan và ít nhất 70% đơn vị cung cấp giải pháp tại Việt Nam.

8

ĐỊNH HƯỚNG CỦA NHÀ NƯỚC TRONG QUẢN LÝ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC



Mục tiêu đến năm 2030

- § Hoàn thiện Công thông tin TXNG quốc gia.
- § Hoàn thiện hệ thống quản lý và cập nhật cơ sở dữ liệu sản phẩm, hàng hóa trong nước và quốc tế.

9

ĐỊNH HƯỚNG CỦA NHÀ NƯỚC TRONG QUẢN LÝ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC



Các nhiệm vụ trọng tâm



Xây dựng công thông tin TXNG quốc gia

- TT Mã số mã vạch Quốc gia chủ trì
- 2021 đưa vào hoạt động
- Kết nối các Bộ ngành, địa phương
- Kết nối quốc tế hỗ trợ xuất khẩu hàng hoá

Xây dựng VB PQ, tiêu chuẩn, quy chuẩn TXNG

- 2019: Tiêu chuẩn TXNG rau quả tươi
- 2020: Tiêu chuẩn TXNG thịt
- 2021: Tiêu chuẩn TXNG thủy hải sản
- 2022: Tiêu chuẩn TXNG thuốc chữa bệnh

Ban hành danh mục SPHH trọng điểm

- Các Bộ ngành, địa phương ban hành Danh mục sản phẩm hàng hoá trọng điểm, ưu tiên áp dụng TXNG

10

TCVN 12850:2019

TRUY XUẤT NGUỒN GỐC – YÊU CẦU CHUNG



Định nghĩa

- § Chuỗi cung ứng: hệ thống các tổ chức và quá trình kinh doanh có liên quan đến việc sản xuất, phân phối và duy trì sản phẩm.
- § Truy xuất nguồn gốc: hoạt động giám sát, xác định được một đơn vị sản phẩm hoặc dịch vụ qua từng công đoạn theo thời gian, địa điểm của quá trình sản xuất, chế biến, lưu trữ, bảo quản, vận chuyển, phân phối và kinh doanh.
- § Hệ thống truy xuất nguồn gốc: bao gồm hoạt động định danh sản phẩm, thu thập và lưu trữ thông tin về trạng thái của sản phẩm theo thời gian, địa điểm nhằm quản lý thông tin về chất lượng và an toàn của sản phẩm.

11

TCVN 12850:2019

TRUY XUẤT NGUỒN GỐC – YÊU CẦU CHUNG



Định nghĩa

- § Vòng đời sản phẩm: toàn bộ quá trình từ khi sản phẩm ra đời đến khi loại bỏ.
- § Phần tử dữ liệu chính: dữ liệu thể hiện chính xác những gì xảy ra trong một bước của quá trình sản xuất, kinh doanh, phản ánh được các thông tin về chất lượng và an toàn sản phẩm.

12

TCVN 12850:2019 TRUY XUẤT NGUỒN GỐC – YÊU CẦU CHUNG



Nguyên tắc chung

- § ‘*Một bước trước – một bước sau*’: bảo đảm khả năng giám sát, nhận diện công đoạn trước và sau trong quá trình sản xuất, kinh doanh đối với một sản phẩm.
- § ‘*Sẵn có của phần tử dữ liệu chính*’: dữ liệu phải được thu thập, lưu trữ và cập nhật kịp thời trong quá trình sản xuất và chuỗi cung ứng.
- § ‘*Minh bạch*’: đạt yêu cầu về tính minh bạch dữ liệu về khách hàng, bên cung ứng, sản phẩm ...
- § ‘*Có sự tham gia đầy đủ các bên TXNG*’: phải có sự tham gia đầy đủ các bên TXNG của tổ chức.

13

TCVN 12850:2019 TRUY XUẤT NGUỒN GỐC – YÊU CẦU CHUNG



Dữ liệu TXNG bao gồm:
“Ai, Cái gì, Ở đâu, Khi nào, Tại sao”



14

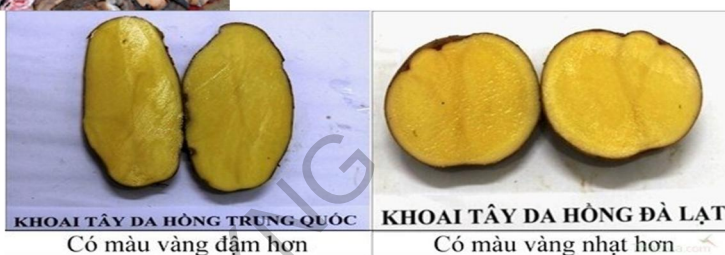
TỔNG QUAN VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

AHEAD
grow together

Bối cảnh TXNG



Thực phẩm bẩn,
không rõ nguồn gốc

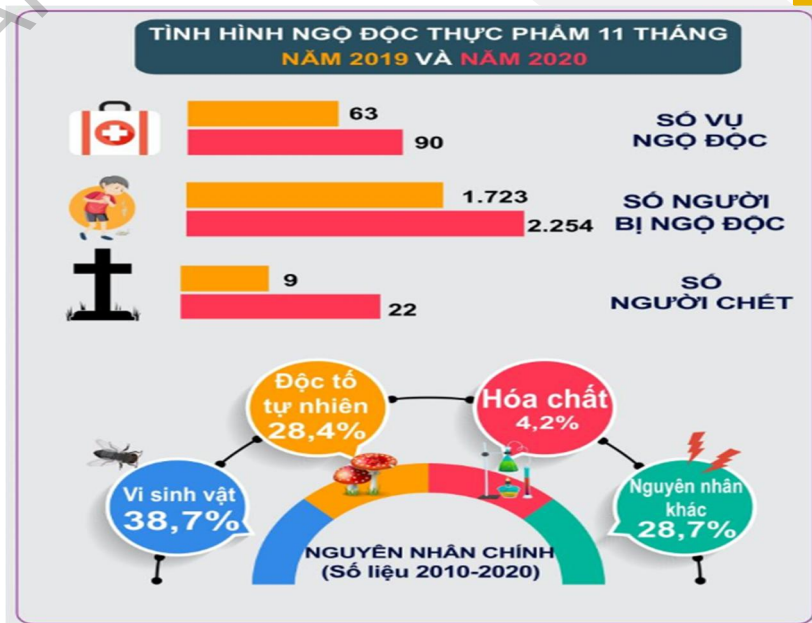


15

TỔNG QUAN VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

AHEAD
grow together

Bối cảnh TXNG



16

TỔNG QUAN VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

AHEAD
grow together

Bối cảnh TXNG



Mỹ phẩm không rõ
nguồn gốc



17

TỔNG QUAN VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

AHEAD
grow together

Bối cảnh TXNG



Đồ chơi trẻ em
không rõ nguồn gốc



18

AHEAD
grow together



19

AHEAD
grow together

TXNG là khả năng truy ngược lại lịch sử, các áp dụng/hoạt động/sự kiện hoặc địa điểm của một đối tượng

20

TỔNG QUAN VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC



Khái niệm



Hướng dẫn về truy xuất nguồn gốc thực phẩm – 2017: Là khả năng phân biệt, xác định và theo dõi đường đi của thực phẩm hoặc các chất được bổ sung vào thực phẩm thông qua tất cả các công đoạn sản xuất, chế biến và phân phối.



Quy định CAC/GL 60 – 2006: khả năng xác định được bất kỳ công đoạn nào trong chuỗi thực phẩm (từ sản xuất đến phân phối) từ nơi đến của thực phẩm (một bước trước) và nơi thực phẩm sẽ đến (một bước sau).



Quy định EC số 178/2002: Là khả năng tìm ra nguồn gốc một loại thực phẩm, thức ăn gia súc, động vật sản xuất thực phẩm hoặc một hợp chất muốn bổ sung vào thực phẩm hoặc thức ăn gia súc, thông qua các giai đoạn sản xuất, chế biến và phân phối.



Luật An toàn thực phẩm: Là việc truy tìm quá trình hình thành và lưu thông thực phẩm

21

TỔNG QUAN VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC



Khái niệm

Truy xuất nguồn gốc:

Hoạt động giám sát, xác định được một đơn vị sản phẩm hoặc dịch vụ qua từng công đoạn theo thời gian, địa điểm của quá trình sản xuất, chế biến, lưu trữ, bảo quản, vận chuyển, phân phối và kinh doanh.

Hệ thống truy xuất nguồn gốc

Hệ thống bao gồm hoạt động định danh sản phẩm, thu thập và lưu trữ thông tin về trạng thái của sản phẩm theo thời gian, địa điểm nhằm quản lý thông tin về chất lượng và an toàn của sản phẩm.

(TCVN 12850:2019 – Yêu cầu chung đối với hệ thống truy xuất nguồn gốc)

22

TỔNG QUAN VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC



Mục tiêu

- 1 Đáp ứng yêu cầu của thị trường / khách hàng
- 2 Giúp người tiêu dùng xác thực thông tin về sản phẩm, doanh nghiệp sản xuất nhanh chóng, chính xác
- 3 Giúp doanh nghiệp khẳng định sự minh bạch, xây dựng hình ảnh, tăng khả năng cạnh tranh
- 4 Giúp cơ quan quản lý nhanh chóng phát hiện hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng
- 5 Đáp ứng các quy định của quốc tế và quốc gia nhập khẩu

23

TỔNG QUAN VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC



Lợi ích đối với doanh nghiệp

- § Phù hợp quy định quốc gia và quốc tế (đặc biệt là EU, Nhật, Mỹ ...) giúp doanh nghiệp mở rộng thị trường, tăng sức cạnh tranh.
- § Tăng sự tin tưởng của người tiêu dùng: thông tin minh bạch giúp họ tin tưởng hơn về sản phẩm.
- § Là công cụ Marketing mạnh mẽ: giúp doanh nghiệp quảng bá sản phẩm, xây dựng thương hiệu.
- § Phòng chống và phát hiện hàng giả, hàng nhái trên thị trường.
- § Quản lý thông tin sản xuất nội bộ.
- § Truy vấn và thực hiện thu hồi, xử lý nhanh chóng các sản phẩm kém chất lượng.



24

TỔNG QUAN VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC



Lợi ích đối với cơ quan quản lý Nhà nước

- § Quản lý được nguồn gốc của sản phẩm trên thị trường.
- § Chống hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, không rõ nguồn gốc xuất xứ tràn vào thị trường.



25

TỔNG QUAN VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC



Lợi ích đối với người tiêu dùng

- § Truy xuất được nguồn gốc sản phẩm thông qua tem dán trên sản phẩm bằng điện thoại thông minh có kết nối internet.
- § Phân biệt sản phẩm an toàn, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng để yên tâm chọn mua.

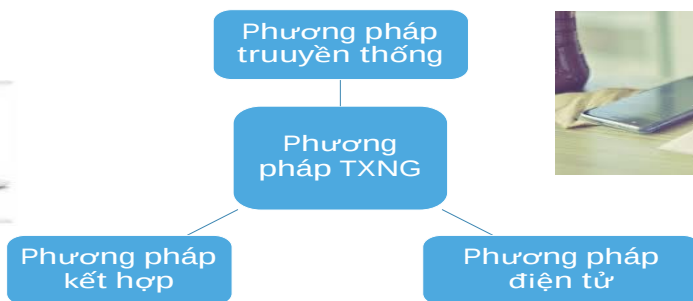


26

TỔNG QUAN VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC



Phương pháp TXNG



27

TỔNG QUAN VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC



Phương pháp TXNG



PHƯƠNG PHÁP TRUYỀN THỐNG



Ưu điểm:

- Đơn giản, dễ thực hiện.
- Thích hợp với trình độ sản xuất thấp hay quy mô nhỏ.
- Kinh phí đầu tư thấp.

Nhược điểm:

- Khả năng truy xuất bị hạn chế, chậm và thiếu chính xác
- Thông tin dễ bị sai lệch, khó kiểm soát.
- Hệ thống tổ chức quản lý, lưu trữ hồ sơ công kênh, phức tạp kém hiệu quả.

28

TỔNG QUAN VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC



Phương pháp TXNG



PHƯƠNG PHÁP ĐIỆN TỬ



Ưu điểm:

- Khả năng truy xuất nhanh và chính xác.
- Khả năng lưu trữ thông tin lớn, không bị hạn chế.
- Dễ dàng nhập dữ liệu và tìm kiếm dữ liệu, đơn giản khi sử dụng.
- Quản lý tập trung trên quy mô lớn
- Khai thác tốt dữ liệu sẽ tạo giá trị gia tăng do doanh nghiệp

Nhược điểm:

- Chi phí đầu tư ban đầu cao: mua thiết bị, phần mềm để nhập và liên kết các dữ liệu với nhau.
- Đòi hỏi trình độ quản lý cao.
- Phải có giải pháp bảo mật thông tin phù hợp.

29

TỔNG QUAN VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC



Phương pháp TXNG



PHƯƠNG PHÁP HỖN HỢP



Ưu điểm:

- Linh hoạt trong lựa chọn công nghệ và giải pháp cho từng công đoạn sản xuất.
- Kinh phí đầu tư ít tốn kém.

Nhược điểm:

- Có thể có sự gián đoạn về các thông tin cần truy xuất nên cần phải tốn thời gian để tập hợp lại tất cả thông tin liên quan.

30

TỔNG QUAN VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC



Thực trạng TXNG

2002



Liên minh Châu Âu (EU)

Điều 18 Luật số 178/2002/EC của Liên Minh EU quy định “Việc truy xuất nguồn gốc thực phẩm được thiết lập ở tất cả các giai đoạn sản xuất, chế biến và phân phối”.

Hàn Quốc, Nhật, Singapore

Yêu cầu các lô hàng nhập khẩu phải có khả năng truy xuất nguồn gốc khi gặp sự cố về chất lượng.

2005



01/2011



Hoa Kỳ

Ban hành Luật Hiện đại hóa An toàn thực phẩm (FSMA - Food Safety Modernization Act), trong đó yêu cầu tăng cường theo dõi, truy vết, lưu trữ hồ sơ đối với thực phẩm nguy cơ cao.

Trung Quốc

Quy định trái cây Việt Nam nhập khẩu chính ngạch vào Trung Quốc phải đảm bảo truy xuất nguồn gốc vùng trồng, một số trái cây phải dán tem truy xuất.

2018



31

TỔNG QUAN VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC



Thực trạng TXNG



Tổ chức phải lưu giữ thông tin dạng văn bản cần thiết để có thể truy xuất nguồn gốc.



ISO 22000:2018

Hệ thống truy xuất nguồn gốc phải xác định được nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp và xác định được lộ trình phân phối của sản phẩm cuối cùng.



GLOBAL G.A.P.

Có một hệ thống hiệu quả để nhận diện và tách biệt tất cả các sản phẩm được chứng nhận và không được chứng nhận GLOBAL G.A.P

32

TỔNG QUAN VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC



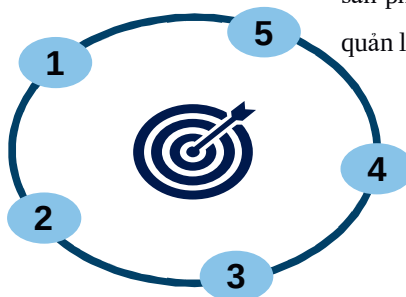
Thực trạng TXNG

Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12

Mục 4 về TXNG thực phẩm, thu hồi và xử lý đối với thực phẩm không đảm bảo an toàn.

Văn bản hợp nhất 01/VBHN-BNNPTNT

Ban hành năm 2018 hợp nhất Thông tư quy định về truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý thực phẩm nông lâm sản không bảo đảm an toàn



Thông tư 25/2019/TT-BYT

Quy định về truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế.

Quyết định 100/QĐ-TTg năm 2019

Về phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc do Thủ tướng Chính phủ ban hành

Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT

Quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành

33

TỔNG QUAN VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC



Thực trạng TXNG



- Nước hoa quả
- Rượu vang
- Mật ong
- Olive oils
- Chè,
- Cafe
- Các sản phẩm sữa
- Thịt
- Thủy sản
- Măng tây

thêm nước, các chất tạo ngọt
thêm nước, không rõ ràng thành phần hoa quả
ghi nhãn (nguồn gốc địa lý), bổ sung đường mía, phần hoa
bổ sung các dầu khác rẻ tiền hơn
Pha trộn, ghi nhãn (nguồn gốc địa lý)
ghi nhãn (robusta ↔ arabica)
thêm các thành phần không rõ ràng, ghi nhãn
ghi nhãn sai (nguồn gốc địa lý) and feeding diet
ghi nhãn sai (tự nhiên ↔ nuôi)
ghi nhãn sai (nguồn gốc địa lý)

34

TỔNG QUAN VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC



Thực trạng TXNG



Tiếng Việt

SẢN PHẨM CHÍNH HÃNG

Xin cảm ơn bạn đã mua hàng!

Trà thảo dược Cumin gừng gió núi đá

Mã SP: 01540836527371

Xem thêm

Mua sản phẩm

Đánh giá & Bình luận

☆ ☆ ☆ ☆ ☆

THÔNG TIN SẢN PHẨM

Trà thảo dược Cumin gừng gió núi đá

Tên tổ chức: Công ty TNHH nhà máy Curcumin

Tiếng Việt

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Bka-cumin Nano Curcumin Trà thảo dược cumin gừng gió

2. Thành phần: Nano curcumin 100mg, gừng gió 500mg, đường kính 4400mg

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 2 năm kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: 5gam/gói; 10 gói/ lọ

DOANH NGHIỆP SỞ HỮU

Liên Hệ

CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY CURCUMIN

Địa chỉ: Thành Phố

Điện thoại:

Email: hanh

Website:

35

TỔNG QUAN VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

Thực trạng TXNG

Thông Tin Sản Phẩm

Tên sản phẩm: Cải bó xôi

Mã vạch Sản phẩm: 8936081830064

Quy cách đóng gói: 500g

Loại bao bì: Nilon

Cách bảo quản: Bảo quản theo TCVN 5304 - 1991

Thông Tin Sản Xuất

Lô Lương: LIXT6 Tổ Sản Xuất: C?M

Ngày gieo trồng: 28/07/2019

Ngày thu hoạch: 4/9/2019

Ngày đóng gói: 4/9/2019

Số ngày cách ly phân bón: 7 Ngày

Số ngày cách ly thuốc BVTV: 10 Ngày

Tiêu chuẩn sản xuất: VietGAP

Đơn vị Cấp GCN: BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ - TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG - TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT)

GCN Số:

36

18

TỔNG QUAN VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC



Giải pháp TXNG

Xu thế tất yếu



Lợi ích cho doanh nghiệp và người tiêu dùng



Thực hiện các quy định, pháp luật



iCheck – TRUY XUẤT NGUỒN GỐC ...
iCheck Corporation • Lỗi sống
4,1★ 37 MB 5 Tr+



TraceFarm
TraceVerified • Công cụ
5,0 MB 100+



Fcheck - Ứng Dụng Truy Xuất Nguồn...
FARMTECH VIETNAM CORP
6,8 MB 500+

Cần thiết
xây dựng hệ
thống truy
xuất nguồn
gốc



AgriCheck - Truy xuất nguồn gốc & ...
ZPS JSC • Doanh nghiệp
4,5★ 2,3 MB 10 N+



Agridental - Truy xuất nguồn gốc B...
Vietnam Blockchain Corporation
5,0★ 14 MB 100+



Kiểm tra nguồn gốc xuất xứ thực p...
checkfoodsmart • Ăn uống
9,3 MB 100+



Gas South-Ứng dụng truy xuất ngu...
4TE • Năng suất
12 MB



VietCheck-Xác minh chính hãng
Mã Hóa Việt Nam • Công cụ
3,9★ 16 MB 500 N+



TE-FOOD Public B2C
TE-FOOD • Mua sắm
4,5★ 6,0 MB 10 N+



VFGAP - Hệ thống truy xuất nguồn ...
CTCP F9 • Doanh nghiệp
5,0★ 14 MB 100+

37

TỔNG QUAN VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC



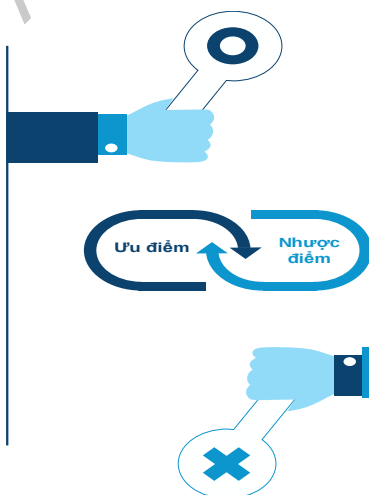
Giải pháp TXNG

Ưu điểm

Nhiều đơn vị cung cấp giải pháp

Đa dạng công nghệ

Người tiêu dùng sử dụng miễn phí



Dữ liệu không tập trung,
mỗi đơn vị có cơ sở dữ
liệu giới hạn

Chưa xác định rõ trách
nhiệm

Người dùng cài đặt cùng
lúc nhiều phần mềm

Chưa chuẩn hoá về nội
dung

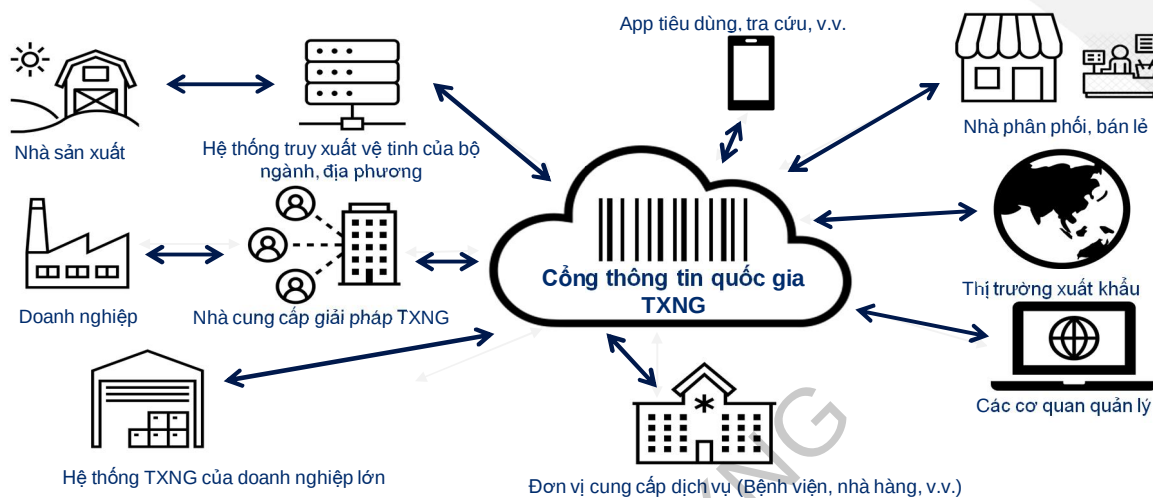
Hạn chế

38

TỔNG QUAN VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

AHEAD
grow together

Mô hình công thông tin TXNG

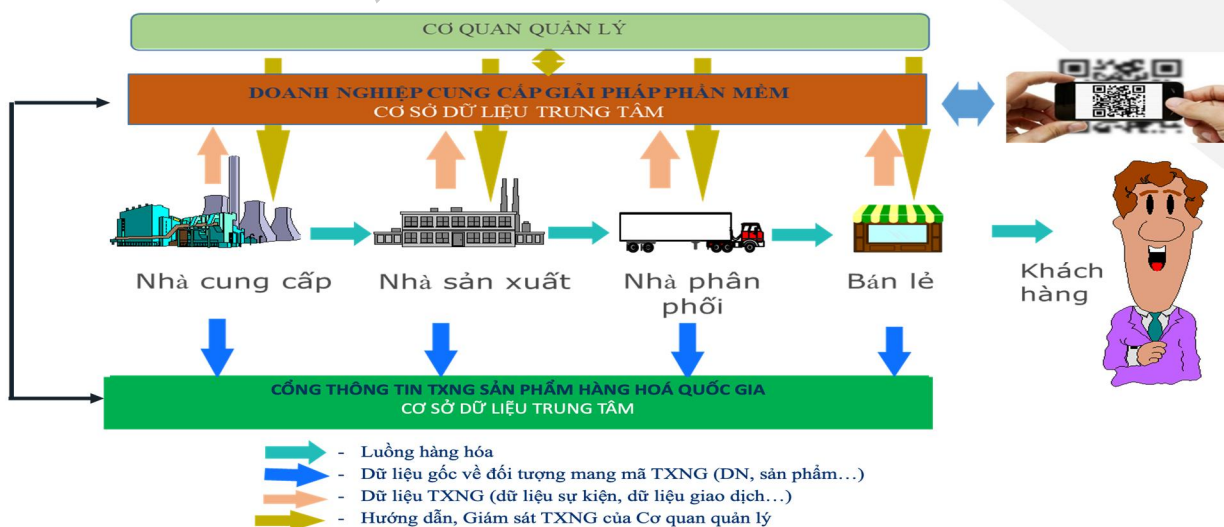


39

TỔNG QUAN VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

AHEAD
grow together

Mô hình quản lý dữ liệu TXNG quốc gia

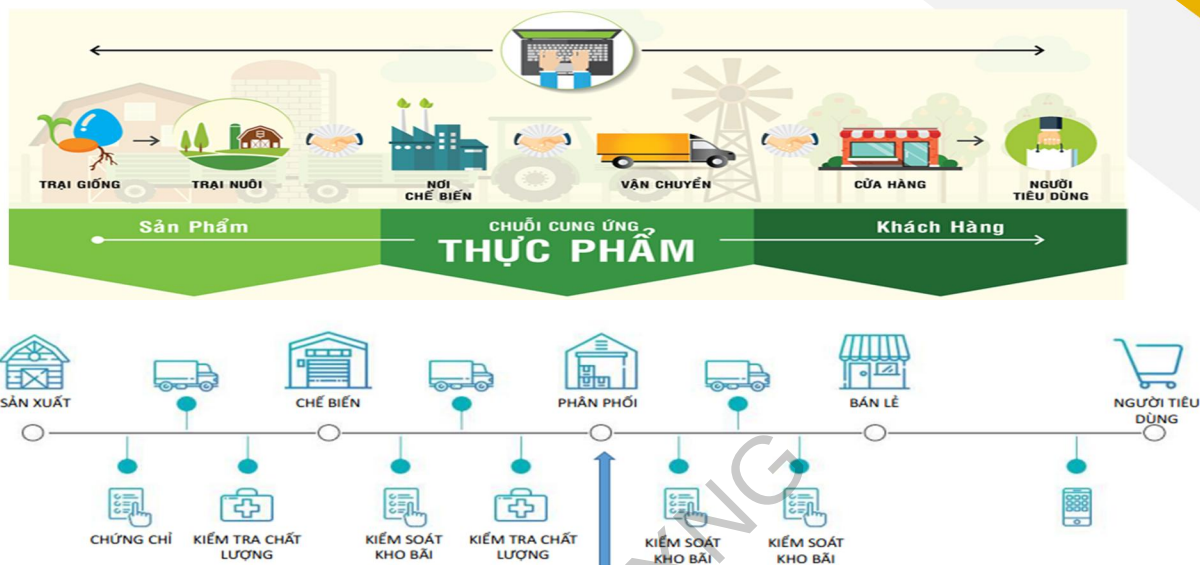


40

TỔNG QUAN VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

AHEAD
grow together

Truy xuất nguồn gốc trong chuỗi cung ứng

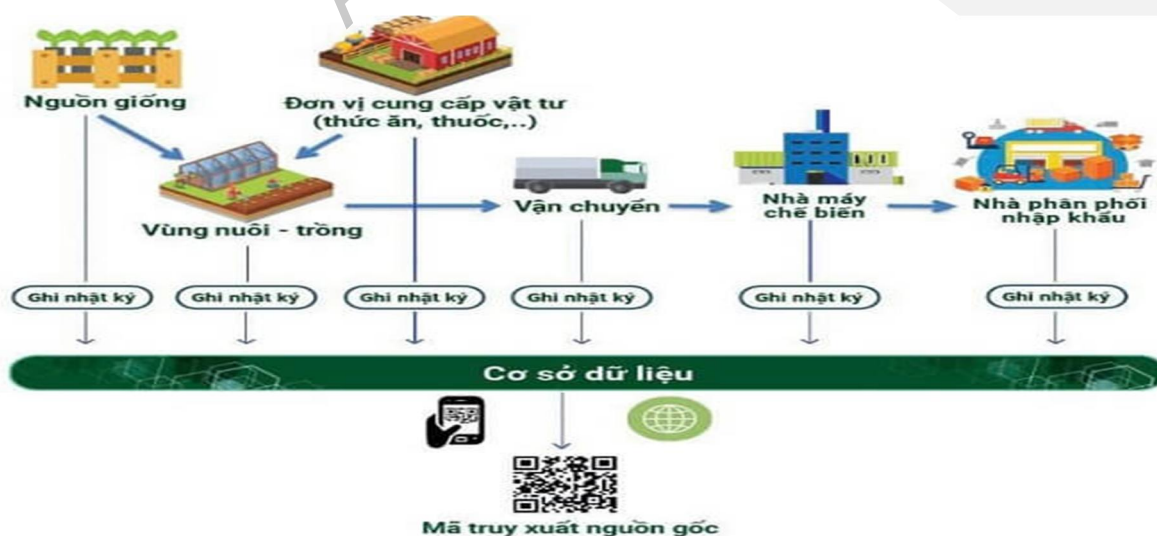


41

TỔNG QUAN VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

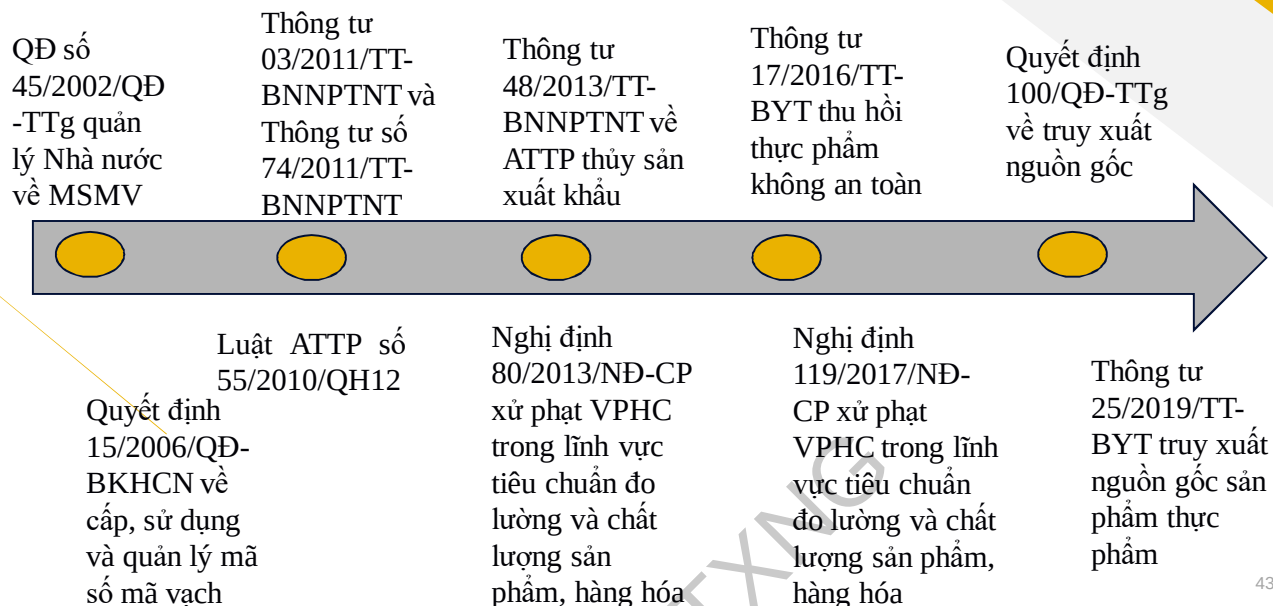
AHEAD
grow together

Truy xuất nguồn gốc trong chuỗi cung ứng



42

CÁC VĂN BẢN CHÍNH SÁCH VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC



43

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH GS1



- Mã vạch được Norman Joseph Woodlan (người Mỹ) nghiên cứu và được cấp bằng sáng chế năm 1952.
- Đầu những năm 1970 Woodlan cùng với một nhóm nghiên cứu của IBM phát triển hệ thống máy quét laze để đọc mã vạch.

Norman Joseph Woodland



Born	September 6, 1921 Atlantic City, New Jersey
Died	December 9, 2012 (aged 91) Edgewater, New Jersey
Other names	N. Joseph Woodland N. J. Woodland
Alma mater	Drexel University
Known for	Co-inventor of the barcode

44

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH GS1



- Năm 1974 thành lập Hội đồng mã thống nhất UCC (Uniform Code Council) nhằm tiêu chuẩn hóa và quản lý hệ thống mã sản phẩm toàn cầu UPC (Universal Product Code)
- Ngày 26/6/1974: tại siêu thị Marsh ở Troy, Ohio, một gói kẹo cao su của Wrigley là sản phẩm bán lẻ đầu tiên được bán bằng máy quét mã vạch.



45

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH GS1



- Năm 1976: các nước Châu Âu quan tâm và nghiên cứu một hệ thống đánh mã cho sản phẩm dựa trên mã UPC
- Năm 1977: 12 nước Châu Âu thành lập Hội mã số vật phẩm Châu Âu (European Article Numbering Association - EAN)
- Năm 1984: EAN đổi tên thành Hội mã số vật phẩm quốc tế với tên gọi EAN – International
- Từ năm 2000: UCC và EAN - International triển khai chương trình hợp nhất
- Tháng 02/2005: hợp nhất và đổi tên thành GS1



46

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH GS1

AHEAD
grow together



- *One Global Standard* - Một tiêu chuẩn toàn cầu
- *One Global Solution* - Một giải pháp toàn cầu
- *One Global System* - Một hệ thống toàn cầu

Mục tiêu: Thiết lập một ngôn ngữ thương mại toàn cầu cho thương mại

Biện pháp: Xây dựng và triển khai các tiêu chuẩn, giải pháp toàn cầu nhằm cải thiện hiệu quả và tính minh bạch của chuỗi cung ứng



47

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH GS1

AHEAD
grow together

- Hiện tại GS1 có 115 tổ chức thành viên trên thế giới
- Khoảng > 2 triệu Công ty thành viên
- Khoảng > 5 tỷ lượt quét mỗi ngày
- Phát triển trên mọi lĩnh vực: sản xuất, bán lẻ, vận chuyển, lưu trữ, chăm sóc sức khỏe



48

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH GS1

AHEAD
grow together



2005

Đổi tên
EAN Việt Nam đổi tên
thành GS1 Việt Nam



5/1995

Thủ tướng chính phủ cho
phép tham gia EAN
Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
tham gia EAN Quốc tế
Thành lập Văn phòng Mã số, mã vạch thuộc
Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam



15/04/2019

Quyết định thành lập
Trung tâm Mã số, mã vạch Quốc gia
(NBC) trực thuộc Tổng cục Tiêu
chuẩn Đo lường Chất lượng
(STAMEQ)

49

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH GS1

AHEAD
grow together



- > 50.000 doanh nghiệp thành viên
- > 500.000 sản phẩm sử dụng MSMV
- > 5.000 doanh nghiệp đăng ký mới mỗi năm
- Đại diện duy nhất của Việt Nam về MSMV

50

MỘT SỐ LOẠI MÃ SỐ THEO GS1



Khái niệm

Mã số là một dãy các ký tự được gán cho đối tượng cần quản lý dùng để **phân định** đối tượng đó: vật phẩm, địa điểm, tài sản, tài liệu ...

Bao gồm:

- ✓ Mã toàn cầu phân định thương phẩm - GTIN
- ✓ Mã toàn cầu phân định địa điểm - GLN
- ✓ Mã công-ten-nơ vận chuyển theo seri - SSCC
- ✓ Mã toàn cầu phân định tài sản quay vòng – GRAI
- ✓ ...

51

MỘT SỐ LOẠI MÃ SỐ THEO GS1



Mã toàn cầu phân định thương phẩm - GTIN

GTIN – Global Trade Item Number

- Mã GTIN-12: gồm 12 chữ số có trên các sản phẩm bán ở Hoa Kỳ và Canada



- Mã GTIN-13: gồm 13 chữ số có trên các sản phẩm bán ở Châu Âu, Nhật Bản



52

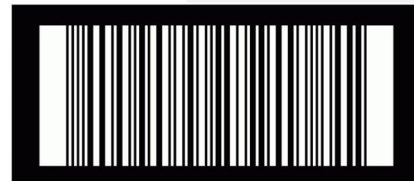
MỘT SỐ LOẠI MÃ SỐ THEO GS1

AHEAD
grow together

Mã toàn cầu phân định thương phẩm - GTIN

GTIN – Global Trade Item Number

- Mã GTIN-14: gồm 14 chữ số, dành cho vật phẩm chứa nhiều gói (thùng, hộp chứa không dùng bán lẻ)
- Mã GTIN-8: gồm 08 chữ số, là mã được sử dụng trên các sản phẩm có kích thước rất nhỏ



00811571013579



4017 0725

53

MỘT SỐ LOẠI MÃ SỐ THEO GS1

AHEAD
grow together

Mã toàn cầu phân định thương phẩm - GTIN

GTIN-13



54

MỘT SỐ LOẠI MÃ SỐ THEO GS1



Mã toàn cầu phân định thương phẩm - GTIN

Mã quốc gia GS1

- | | |
|-----------------------------------|-------------------------|
| v 000 - 299: Mỹ | v 690 - 695: Trung Quốc |
| v 300 - 379: Pháp | v 885: Thái Lan |
| v 400 - 440: Đức | v 899: Indonesia |
| v 460 - 469: Nga | v 893: Việt Nam |
| v 760 - 769: Thụy Sĩ | |
| v 450 - 459 & 490 - 499: Nhật Bản | |

55

MỘT SỐ LOẠI MÃ SỐ THEO GS1



Mã toàn cầu phân định thương phẩm - GTIN

Mã doanh nghiệp GS1 (GS1 Company Prefix - GCP)

- | | |
|--|-------------------------------|
| v Mã GCP-7: trên 10.000 dưới 100.000 loại sản phẩm | 8935217 <u>40015</u> 7 |
| v Mã GCP-8: trên 1.000 dưới 10.000 loại sản phẩm | 89352174 <u>0015</u> 7 |
| v Mã GCP-9: trên 100 dưới 1.000 loại sản phẩm | 893521740 <u>015</u> 7 |
| v Mã GCP-10: dưới 100 loại sản phẩm | 8935217400 <u>15</u> 7 |

56

MỘT SỐ LOẠI MÃ SỐ THEO GS1



Mã toàn cầu phân định thương phẩm - GTIN

MINISTRY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
DIRECTORATE FOR STANDARDS,
METROLOGY AND QUALITY

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

MINISTRY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
DIRECTORATE FOR STANDARDS,
METROLOGY AND QUALITY

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Based on the Decision No 45/2002/QĐ-TTg dated 27/03/2002 of the Prime Minister and Decision No 15/2006/QĐ-BKH-CN dated 23/08/2006 of the Ministry of Science and Technology issued the Regulation of allocating, using and managing number and barcode.

Căn cứ Quyết định số 45/2002/QĐ-TTg ngày 27/03/2002 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 15/2006/QĐ-BKH-CN ngày 23/08/2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc cấp, sử dụng và quản lý mã số mã vạch.

Based on the Decision No 45/2002/QĐ-TTg dated 27/03/2002 of the Prime Minister and Decision No 15/2006/QĐ-BKH-CN dated 23/08/2006 of the Ministry of Science and Technology issued the Regulation of allocating, using and managing number and barcode.

Căn cứ Quyết định số 45/2002/QĐ-TTg ngày 27/03/2002 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 15/2006/QĐ-BKH-CN ngày 23/08/2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc cấp, sử dụng và quản lý mã số mã vạch.

CERTIFYING

HAI TAM CO., LTD

Address: 2694 Group 4, Phu Yen Hamlet, Phu Trung Commune, Tân Phú District, Dong Nai Province

to have right of using the following article number:

893 8511328

for the products/services/locations:

Hanoi, 02/01/2018
PP. DIRECTOR GENERAL
DEPUTY DIRECTOR GENERAL

Nguyen Nam Hai

Registered No: N032367
Reference No: 516717

CHỨNG NHẬN

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HẢI TÁ

Địa chỉ: 2694, Tổ 4, Ấp Phú Yên, Xã Phú Trung, Huyện Tân Phú, Tỉnh Đồng Nai

được quyền sử dụng mã số mã vạch:

893 8511328

cho các sản phẩm/ dịch vụ/ địa điểm của mình.

Hà Nội, 19/01/2018
KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nguyen Nam Hai

Số đăng ký: N032367
Số vào sổ: 516717

CERTIFYING

OHO TRADING CO., LTD

Address: 371/55 Trương Chinh, Ward 14, Tân Bình District, Hồ Chí Minh City

to have right of using the following article number:

893 614308

for the products/services/locations:

Hanoi, 08/01/2018
PP. DIRECTOR GENERAL
DEPUTY DIRECTOR GENERAL

Nguyen Nam Hai

Registered No: N034246
Reference No: 181218

CHỨNG NHẬN

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI OHO

Địa chỉ: 371/55 Trương Chinh, Phường 14, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

được quyền sử dụng mã số mã vạch:

893 614308

cho các sản phẩm/ dịch vụ/ địa điểm của mình.

Hà Nội, 08/01/2018
KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nguyen Nam Hai

Số đăng ký: N034246
Số vào sổ: 181218

57

MỘT SỐ LOẠI MÃ SỐ THEO GS1



Mã toàn cầu phân định thương phẩm - GTIN

MINISTRY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
DIRECTORATE FOR STANDARDS,
METROLOGY AND QUALITY

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Based on the Decree No 74/2018/NĐ-CP dated 15/5/2018 of the Government.

Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

CERTIFYING

DAK LAK RUBBER JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 30, Nguyen Chi Thanh Street, Tan An Ward, Buon Ma Thuot City, Dak Lak Province

to have right of using the following article number until the date: 02/12/2022

893 50314

for the products/services/locations.

Hanoi, 03/12/2019
DIRECTOR GENERAL

Tran Van Vinh

Registered No: N000691
Reference No: 203/99



CHỨNG NHẬN

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 30, Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

được quyền sử dụng mã số sau đây đến ngày: 02/12/2022

893 50314

cho các sản phẩm/ dịch vụ/ địa điểm của mình.

Hà Nội, 03/12/2019
TỔNG CỤC TRƯỞNG

Trần Văn Vinh

Số giấy phép: N000691
Số đăng ký: 203/99



58

MỘT SỐ LOẠI MÃ SỐ THEO GS1

AHEAD
grow together

Mã toàn cầu phân định thương phẩm - GTIN



59

MỘT SỐ LOẠI MÃ SỐ THEO GS1

AHEAD
grow together

Mã toàn cầu phân định thương phẩm - GTIN

Doanh nghiệp A mã số doanh nghiệp: **893 9876**

Sản phẩm của Doanh nghiệp A bao gồm:

- ✓ Sản phẩm 1: Chai nước tinh khiết 300ml với mã phân định sản phẩm là 00001
- ✓ Sản phẩm 2: Chai nước tinh khiết 500ml với mã phân định sản phẩm là 00002
- ✓ Sản phẩm 3: Chai nước tinh khiết 1500ml với mã phân định sản phẩm là 00003

➡ Dãy GTIN-13 tương ứng **893 9876 00001 C / 893 9876 00001 C / 893 9876 00001 C**

Sản phẩm được đóng thành lốc và được tiêu thụ nguyên lốc thì có thể sử dụng một mã mới cho nguyên lốc. Ví dụ lốc 03 chai nước tinh khiết 300ml có thể dùng mã số phân định là 00004 ề dãy GTIN-13 tương ứng là **893 9876 00004 C**

60

MỘT SỐ LOẠI MÃ SỐ THEO GS1



Mã toàn cầu phân định thương phẩm - GTIN

Cách tính số kiểm tra - C

Vị trí kí tự																			
GTIN-8										N ₁	N ₂	N ₃	N ₄	N ₅	N ₆	N ₇	N ₈		
GTIN-12							N ₁	N ₂	N ₃	N ₄	N ₅	N ₆	N ₇	N ₈	N ₉	N ₁₀	N ₁₁	N ₁₂	
GTIN-13							N ₁	N ₂	N ₃	N ₄	N ₅	N ₆	N ₇	N ₈	N ₉	N ₁₀	N ₁₁	N ₁₂	N ₁₃
Nhân giá trị tại mỗi vị trí với:																			
							1	3	1	3	1	3	1	3	1	3	1	3	
Cộng dồn các kết quả cho tổng																			
Lấy bội của 10 gần tổng nhất trừ tổng được số kiểm tra																			

61

MỘT SỐ LOẠI MÃ SỐ THEO GS1



Mã toàn cầu phân định thương phẩm - GTIN

Cách tính số kiểm tra - C

Vị trí	N ₁	N ₂	N ₃	N ₄	N ₅	N ₆	N ₇	N ₈	N ₉	N ₁₀	N ₁₁	N ₁₂	N ₁₃
Số chưa có số kiểm tra	8	9	3	9	8	7	6	0	0	0	0	1	
Bước 1: nhân	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
với	1	3	1	3	1	3	1	3	1	3	1	3	
Bước 2: Cộng dồn kết quả vào tổng	8	27	3	27	8	21	6	0	0	0	0	3	
= 103													
Bước 3: Lấy bội của 10 lớn hơn tổng trừ đi tổng (110 - 103 = 7)													
Số có chứa số kiểm tra	8	9	3	9	8	7	6	0	0	0	0	1	7

62

MỘT SỐ LOẠI MÃ SỐ THEO GS1

AHEAD
grow together

Mã toàn cầu phân định thương phẩm - GTIN



8934774 00002 2 ✓

8934774 00003 9 ✗

8934774 00004 6 ✗

8934774 00002 2



63

MỘT SỐ LOẠI MÃ SỐ THEO GS1

AHEAD
grow together

Mã toàn cầu phân định thương phẩm - GTIN

- ✓ Mỗi sản phẩm khác nhau thì có một mã số phân định sản phẩm khác nhau.
- ✓ Cung cấp mã số phân định cho đối tác sử dụng trước 30 ngày khi ra mắt sản phẩm
- ✓ Khi có sự thay đổi bất kỳ đặc tính cơ bản nào (như tên gọi, mô tả, đặc tính, loại hình, biến thể hoặc cấu tạo) thì phải cấp mới mã số phân định sản phẩm.
- ✓ Nếu GTIN đã cấp cho một sản phẩm, sản phẩm này sau đó không bao giờ được sản xuất nữa thì có thể xóa ngay lập tức GTIN khỏi tất cả cơ sở dữ liệu. GTIN có thể được sử dụng lại 12 tháng sau khi bị xóa.

3453120236458



Không còn sản xuất



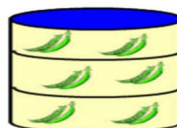
Tối thiểu 1 năm

3453120236458



Sử dụng lại
cho sản phẩm mới

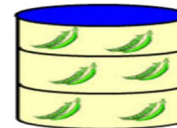
Siêu thị A



Giá 24,000 đ

Mã số
giống nhau

Siêu thị B



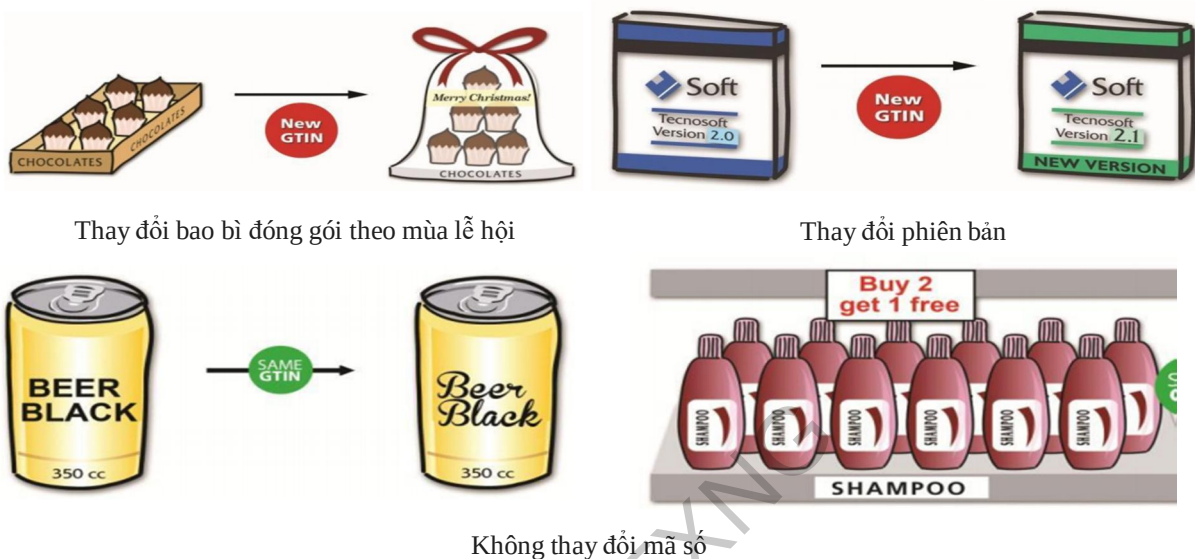
Giá 25,000 đ

64

MỘT SỐ LOẠI MÃ SỐ THEO GS1

AHEAD
grow together

Mã toàn cầu phân định thương phẩm - GTIN



65

MỘT SỐ LOẠI MÃ SỐ THEO GS1

AHEAD
grow together

Mã toàn cầu phân định thương phẩm - GTIN

GTIN-14

- v Sản phẩm cần thiết phải đóng vào trong các thùng hàng. Các thùng hàng này **KHÔNG** được tiêu thụ ở mức bán lẻ thì có thể sử dụng mã thương phẩm GTIN-14.
- v Mã GTIN-14 là mã GTIN-13 bổ sung thêm 1 số giao vận ở phía trước

VL 893 MMMM XXXXX C

Số giao vận / phương án
đóng thùng
Logistic Variant

Dao động 1÷9
VL = 9 đối với các sản phẩm có
lượng thay đổi (thịt, rau ...)



66

MỘT SỐ LOẠI MÃ SỐ THEO GS1



Mã toàn cầu phân định thương phẩm - GTIN

GTIN-14

- v Sản phẩm 1 thùng gồm 12 chai nước tinh khiết 300ml sẽ được tách ra thì có thể mang phương án đóng thùng số 1 (VL=1)
 - v Sản phẩm 1 thùng gồm 24 chai nước tinh khiết 300ml có thể mang phương án đóng thùng số 2 (VL=2)
- ➡ Dãy GTIN-14 tương ứng **1 893 9876 00001 C** / **2 893 9876 00001 C**
- ➡ Mã số GTIN-14 đầy đủ: **1 893 9876 00001 4** / **2 893 9876 00001 1**

67

MỘT SỐ LOẠI MÃ SỐ THEO GS1



Mã toàn cầu phân định địa điểm - GLN

GLN – Global Location Number



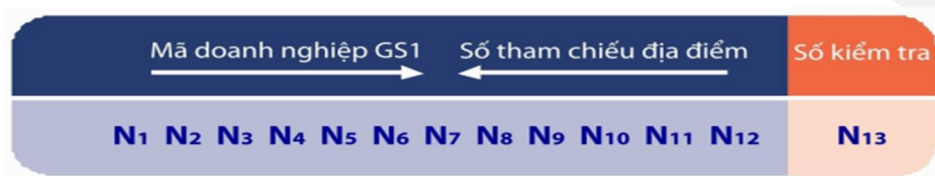
- v Được sử dụng cho bất kỳ địa điểm nào cần phân định để sử dụng trong chuỗi cung ứng:
 - q Bên hợp pháp: công ty, nhà thầu phụ, nhà cung cấp, khách hàng, ngân hàng, nhà vận chuyển ...
 - q Vị trí địa lý: một phòng cụ thể trong một tòa nhà, một kho hàng hay cổng của một kho hàng, điểm giao vận ...
 - q Vị trí mang tính chức năng: bộ phận chức năng nhưng phòng Hành chính, phòng Kế toán, một hòm thư điện tử ...

68

MỘT SỐ LOẠI MÃ SỐ THEO GS1



Mã toàn cầu phân định địa điểm - GLN



- ✓ Dạng chữ số, có chiều dài cố định **13 chữ số**.
- ✓ Mã doanh nghiệp GS1: do GS1 quốc gia cấp cho người sử dụng
- ✓ Số tham chiếu địa điểm: do công ty cấp cho một địa điểm riêng biệt
- ✓ Số kiểm tra: được tính theo thuật toán tiêu chuẩn giúp đảm bảo tính chính xác.

69

MỘT SỐ LOẠI MÃ SỐ THEO GS1



Mã toàn cầu phân định địa điểm - GLN



- ✓ Đơn nhất một cấu trúc mã đơn giản, tạo thuận lợi cho việc xử lý và truyền dữ liệu được bảo đảm.
- ✓ GLN là chìa khóa tham khảo để gọi thông tin ra từ cơ sở dữ liệu như: Tên của doanh nghiệp tham gia, địa chỉ bưu điện, dạng vị trí (trung tâm sản xuất, nhà kho, nơi bán hàng, cơ quan đầu não), khu vực, số điện thoại, fax, người liên lạc, tiêu sử của công ty.

70

MỘT SỐ LOẠI MÃ SỐ THEO GS1



Mã công-ten-nơ vận chuyển theo seri - SSCC

SSCC – Serial Shipping Container Code

- v SSCC là mã số nhận dạng gồm 18 chữ số dành cho các đơn vị vận chuyển như pallet, container hoặc thùng carton. Mỗi SSCC hoàn toàn là số và được chỉ định duy nhất trên toàn thế giới. Nó đồng hành với việc ký gửi hàng hóa trên toàn tuyến vận tải.

Số mở rộng	Mã doanh nghiệp GS1	Số tham chiếu theo xê-ri	Số kiểm tra
N ₁	N ₂ N ₃ N ₄ N ₅ N ₆ N ₇ N ₈ N ₉ N ₁₀ N ₁₁ N ₁₂ N ₁₃ N ₁₄ N ₁₅ N ₁₆ N ₁₇		N ₁₈

0: thùng carton
2: pallet
4: dùng nội bộ

Tổ chức ấn định

71

MỘT SỐ LOẠI MÃ SỐ THEO GS1



Mã công-ten-nơ vận chuyển theo seri - SSCC

SSCC – Serial Shipping Container Code

- v SSCC là mã số nhận dạng gồm 18 chữ số dành cho các đơn vị vận chuyển như pallet, container hoặc thùng carton. Mỗi SSCC hoàn toàn là số và được chỉ định duy nhất trên toàn thế giới. Nó đồng hành với việc ký gửi hàng hóa trên toàn tuyến vận tải.

Số mở rộng	Mã doanh nghiệp GS1	Số tham chiếu theo xê-ri	Số kiểm tra
N ₁	N ₂ N ₃ N ₄ N ₅ N ₆ N ₇ N ₈ N ₉ N ₁₀ N ₁₁ N ₁₂ N ₁₃ N ₁₄ N ₁₅ N ₁₆ N ₁₇		N ₁₈

0: thùng carton / 2:
pallet / 4: dùng nội bộ

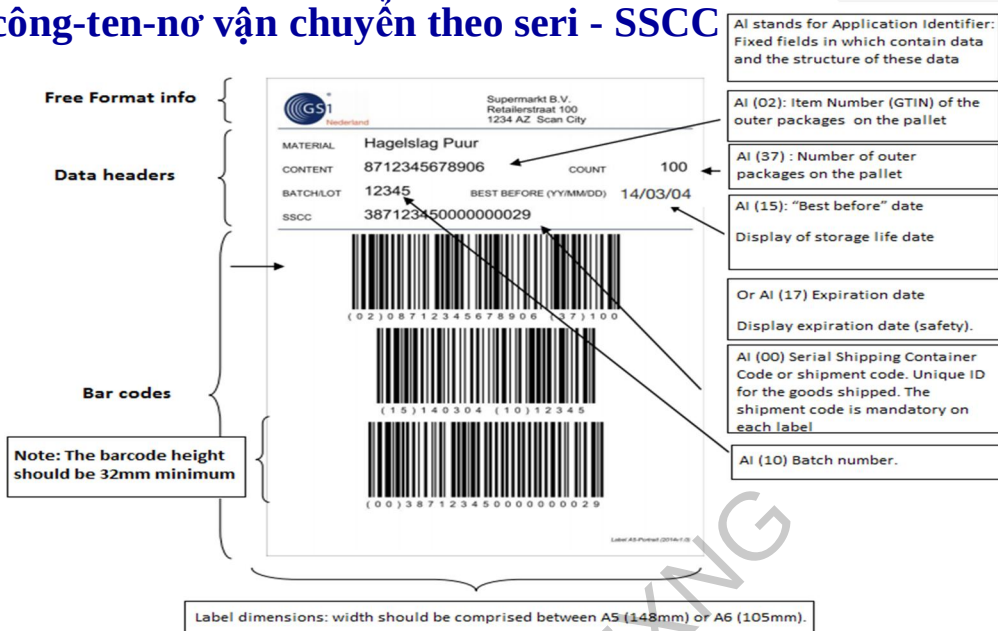
Tổ chức ấn định cho
đơn vị vận chuyển

Số phân định ứng dụng	Số mở rộng	Mã doanh nghiệp GS1	Số tham chiếu theo xê-ri	Số kiểm tra
00	N ₁	N ₂ N ₃ N ₄ N ₅ N ₆ N ₇ N ₈ N ₉ N ₁₀ N ₁₁ N ₁₂ N ₁₃ N ₁₄ N ₁₅ N ₁₆ N ₁₇		N ₁₈

72

MỘT SỐ LOẠI MÃ SỐ THEO GS1

Mã công-ten-nơ vận chuyển theo seri - SSCC



73

MỘT SỐ LOẠI MÃ SỐ THEO GS1

Mã toàn cầu phân định tài sản quay vòng - GRAI

GRAI – Global Returnable Asset Identifier

- v Mã GRAI chỉ sử dụng để phân định các loại tài sản có thể quay vòng như bình gas, két bia, pallet ... nhằm truy tìm nguồn gốc tài sản, địa điểm, người sử dụng.
- v Không dùng mã GRAI thay thế GTIN cho mục đích thương mại hoặc thay thế SSCC cho mục đích giao vận

Cấu trúc mã GRAI/ GTIN-13				
	Mã doanh nghiệp GS1	Số phân định loại tài sản	Số kiểm tra	Mã số theo xê-ri (tùy chọn)
0	N ₁ N ₂ N ₃ N ₄ N ₅ N ₆ N ₇	N ₈ N ₉ N ₁₀ N ₁₁ N ₁₂	N ₁₃	X ₁ đến X ₁₆

có thể gồm mã số, mã chữ hoặc ký tự khác

74

MỘT SỐ LOẠI MÃ SỐ THEO GS1



Mã toàn cầu phân định tài sản quay vòng - GRAI

GRAI – Global Returnable Asset Identifier

Loại tài sản	GRAI
Thùng bia nhôm 50 lít	0 12345 6789 000 5
Thùng bia nhôm 10 lít	0 12345 6789 001 2
Thùng bia gỗ 10 lít	0 12345 6789 002 9



Dùng mã số tùy chọn theo seri để phân biệt từng đơn vị tài sản riêng

!	1	a
"	2	b
#	3	c
\$	4	d
%	5	e
&	6	f
'	7	g
(	8	h
)	9	i
*	0	j
+	.	k
,	=	l
-	>	m
.	v	n

75

MÃ VẠCH THEO GS1



Khái niệm

Mã vạch - Barcode

- ✓ Một dãy các vạch và khoảng trống song song xen kẽ được sắp xếp theo một quy tắc mã hóa nhất định để thể hiện mã số (hoặc các dữ liệu gồm cả chữ và số) dưới dạng máy quét có thể đọc được.
 - q Điều phải có vùng trống trước vạch đầu tiên và sau vạch cuối cùng. Kích cỡ của diện tích vùng trống khác nhau phụ thuộc vào cỡ và loại mã vạch.
 - q Mã vạch có thể được in với các màu khác nhau, nên dùng các màu đơn.
 - q Font chữ sử dụng cho phần số nên dùng kiểu chữ OCR-B.

76

MÃ VẠCH THEO GS1

AHEAD
grow together

Kích thước



Cỡ tối thiểu: 21,38 mm x 17 mm

Cỡ tối đa: 53,46 mm x 43 mm

Kích thước chuẩn: 26,73 mm x 21 mm



Cỡ tối thiểu: 29,83 mm x 21 mm

Cỡ tối đa: 74,58 mm x 52 mm

Kích thước chuẩn: 37,9 mm x 26 mm

77

MÃ VẠCH THEO GS1

AHEAD
grow together

Minh họa



78

MÃ VẠCH THEO GS1

AHEAD
grow together

Màu sắc

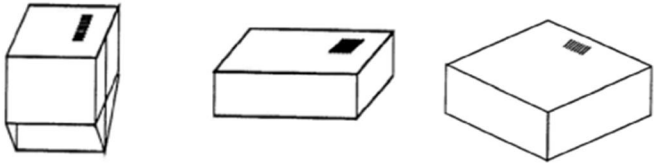
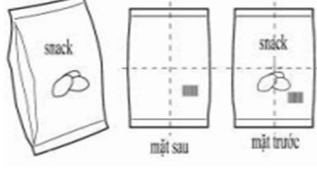
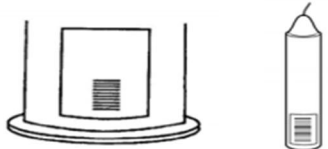


79

MÃ VẠCH THEO GS1

AHEAD
grow together

Vị trí thường gặp

Hàng lưu niệm 	Vị trí đặt mã vạch trên các thùng hàng 	
Đối với túi mà đáy túi có hình dạng rõ ràng và không bị gấp hoặc nhăn 	Đối với túi mà đáy túi không có hình dạng rõ ràng 	Đối với sản phẩm có hình trụ hoặc bề mặt nhẵn cong có đường kính nhỏ hơn 75 mm nên đặt mã vạch sao cho các vạch song song với mặt phẳng đáy sản phẩm 

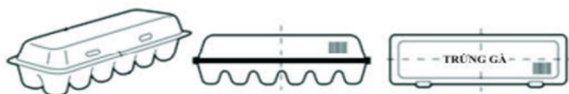
80

MÃ VẠCH THEO GS1



Vị trí thường gặp

Vì trứng: có 01 khoảng cách tối thiểu là 8 mm giữa mã vạch với mép cạnh của sản phẩm.



Đối với sản phẩm có hình trụ hoặc bề mặt nhẵn cong có đường kính lớn hơn 75 mm có thể đặt mã vạch đứng hoặc ngang



Quần áo



81

MÃ VẠCH THEO GS1

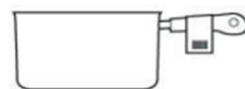


Vị trí thường gặp

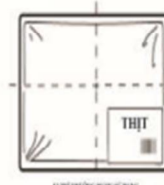
Tạp chí: góc dưới bên trái của tạp chí, không bị chèn bởi chữ hoặc hình ảnh; có thể thêm mã dành cho ấn phẩm nhiều kỳ ở bên cạnh



Hàng gia dụng: có thể sử dụng nhãn treo hoặc in trực tiếp bao bì sản phẩm



Hàng đông lạnh: lưu ý đặt mã vạch trên 01 mặt phẳng (đặc biệt là hàng hút chân không, tránh tình trạng mã vạch bị biến dạng), có 01 khoảng cách tối thiểu là 8 mm giữa mã vạch với mép cạnh của sản phẩm.



82

MÃ VẠCH THEO GS1

Kiểm tra mã vạch trên bao bì bằng smartphone

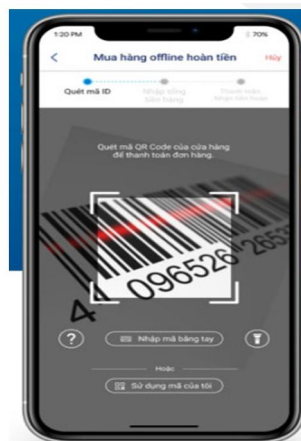
Ứng dụng sẽ hiển thị toàn bộ thông tin mà doanh nghiệp đã cung cấp, như:

- Tên sản phẩm đầy đủ
- Loại sản phẩm (màu sắc, mã màu, mã số sản phẩm)
- Tên công ty, thương hiệu
- Nơi sản xuất, địa chỉ công ty sản xuất, quốc gia
- Mô tả sản phẩm
- Các trang thương mại điện tử đang có bán sản phẩm (có thể kèm link)
- Hình ảnh demo của sản phẩm
- Thành phần sản phẩm
- Ngày sản xuất, hạn sử dụng...

iCheck
Truy xuất nguồn gốc sản phẩm



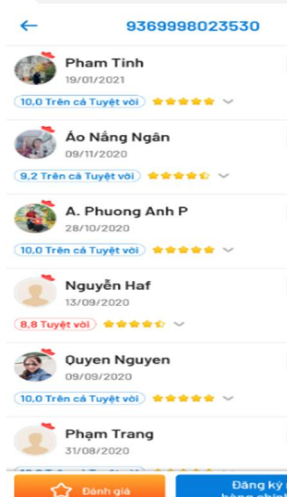
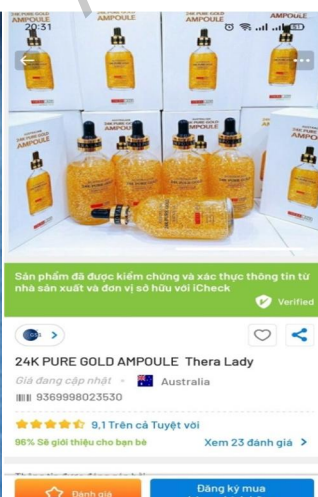
Barcode Scanner
Barcode Scanner Tools
Everyone
Contains ads · Offers in-app purchases



83

MÃ VẠCH THEO GS1

Kiểm tra mã vạch trên bao bì bằng smartphone



84

MÃ VẠCH THEO GS1

Một số lỗi khi quét mã vạch trên bao bì

- ✓ Máy đọc mã không tương thích với mã vạch
- ✓ Lỗi in ấn mã vạch
- ✓ Màu mã vạch trên bao bì
- ✓ Vị trí dán mã vạch chưa chính xác
- ✓ Bề mặt sản phẩm in mã vạch
- ✓ Mã vạch bị mờ, đứt gãy
- ✓ Chiều dài mã vạch không phù hợp



85

MÃ VẠCH THEO GS1

Thể hiện sự sáng tạo



86

MỘT SỐ LOẠI VẬT MANG DỮ LIỆU



GS1 Datamatrix



QR Code



87

MỘT SỐ LOẠI VẬT MANG DỮ LIỆU



QR code

Quick Response code – Mã vạch ma trận - Mã phản ứng nhanh

- ✓ Được phát triển bởi Denso Wave (công ty con của Toyota) ở Nhật Bản vào năm 1994.
- ✓ Được đọc dễ dàng bởi thiết bị kỹ thuật số (smartphone, ipad, ...).
- ✓ Lưu trữ thông tin dưới dạng một chuỗi pixel trong một lưới hình vuông.
- ✓ Được sử dụng trong các chiến dịch quảng cáo, marketing và ngày càng trở nên phổ biến ở nhiều lĩnh vực của cuộc sống.



88

MỘT SỐ LOẠI VẬT MANG DỮ LIỆU



QR code

Mẫu tìm kiếm: chứa ba hình vuông màu đen ở góc dưới cùng bên trái, trên cùng bên trái và trên cùng bên phải

Vùng yên tĩnh: là đường viền trắng trống xung quanh bên ngoài của mã QR



Ô dữ liệu: chứa thông tin cần truyền đạt

Mẫu thời gian: một đường hình chữ L chạy giữa ba ô vuông trong mẫu tìm kiếm

Mẫu căn chỉnh: là một hình vuông nhỏ hơn khác nằm ở đâu đó gần góc dưới cùng bên phải

89

MỘT SỐ LOẠI VẬT MANG DỮ LIỆU



QR code

Mục đích sử dụng

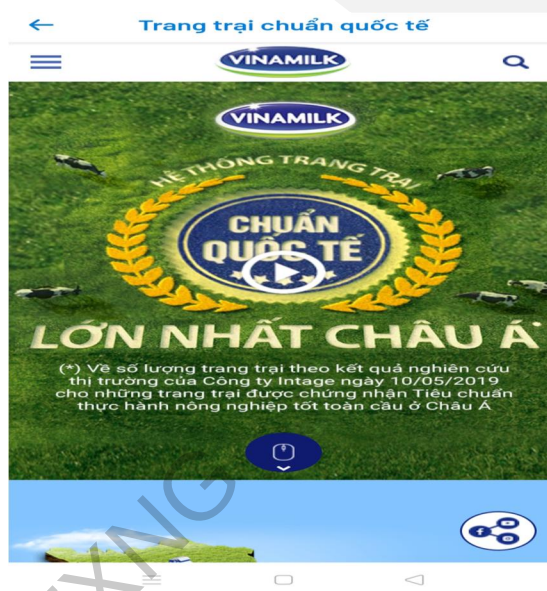
- v Dữ liệu được lưu trữ trong mã QR có thể bao gồm URL trang web, số điện thoại hoặc tối đa 4.000 ký tự văn bản
- v Mã QR được sử dụng để:
 - q Liên kết trực tiếp để tải xuống ứng dụng trên Apple App Store hoặc Google Play.
 - q Truy cập trang web.
 - q Truy cập Wi-Fi.
 - q Xem và tải xuống tài liệu.
 - q Thanh toán mua hàng.
 - q



90

MỘT SỐ LOẠI VẬT MANG DỮ LIỆU

QR code



91

MỘT SỐ LOẠI VẬT MANG DỮ LIỆU

QR code

Mã này đã được quét 31 lần. Vui lòng đổi chiều thông tin sản phẩm chi tiết để xác nhận hàng thật.

Thông tin sản phẩm:



Mã Agrichek: 922FE6BDF9CA42DD

Tên sản phẩm: Gạo trắng Bani999

Mã sản phẩm: BANI999

Loại sản phẩm: GẠO TRẮNG

Quy cách đóng gói: Plastic bag

Cân nặng: 2Kg

Mã lô hàng: Bani999

Ngày sản xuất: 01/08/2017

Ngày hết hạn: 01/08/2018

Thông tin khác:

Nguồn gốc xuất xứ: Gạo cao cấp Bani 999 được sản xuất từ giống lúa chất lượng cao GS999 có nguồn gốc từ Chengdu, Sichuan, China, do Công ty cổ phần Đại Thành nhập khẩu và cung ứng tại Việt Nam.

Địa chỉ sản xuất: Xã Phú Hòa, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh

Giai đoạn trở bông



Giai đoạn hạt chín



Bảo quản: Hệ thống kho tàng hiện đại, tuân thủ các điều kiện bảo quản nguyên liệu và áp dụng các tiêu chuẩn 5S, 3D

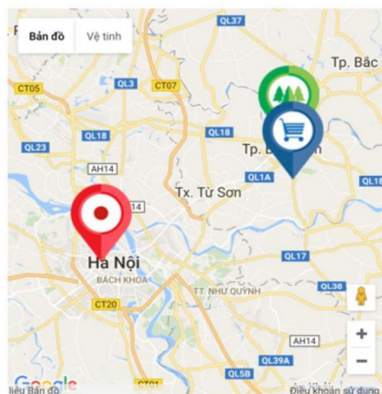
92

MỘT SỐ LOẠI VẬT MANG DỮ LIỆU

QR code



Chế biến: Dây chuyền chế biến được trang bị hiện đại theo tiêu chuẩn ISO 22000-002-15.



Thông tin xuất xứ:



DAITHANH

Đơn vị cung cấp: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THÀNH

Địa chỉ: Số 4, phố Dã Tượng, đường Lê Văn Thịnh, phường Suối Hoa, TP Bắc Ninh

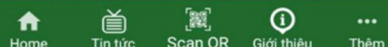
Điện thoại: +84-0222 3893528

Email: cskh@daithanhtech.com

Website: <http://daithanhtech.com>

Thông tin giới thiệu:

Công ty Cổ phần Đại Thành là doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực hạt giống Nông nghiệp, thực phẩm, phần mềm và công nghệ thông tin. Hiện nay công ty đang sản xuất, nhập khẩu và phân phối độc quyền các sản phẩm hạt giống Nông nghiệp, nhãn hiệu "Goldseed", phần mềm truy xuất nguồn gốc tích hợp chống hàng giả nhãn hiệu "Agricheck" & xuất, nhập khẩu nông sản các loại, nhãn hiệu "DTveg" trên toàn lãnh thổ Việt Nam.



MỘT SỐ LOẠI VẬT MANG DỮ LIỆU

Nhận dạng tần số sóng vô tuyến - RFID

R.F.I.D

(Radio Frequency Identification)



94

MỘT SỐ LOẠI VẬT MANG DỮ LIỆU

AHEAD
grow together

Nhận dạng tần số sóng vô tuyến - RFID

- v Hệ thống RFID gồm hai thành phần chính: thẻ RFID và đầu đọc
 - q Thẻ RFID có gắn chip và ăng ten radio dùng để gắn vào đối tượng quản lý như sản phẩm, hàng hóa, động vật hay cả con người. Thẻ RFID có kích thước rất nhỏ, cỡ vài cm.
 - q Đầu đọc: giao tiếp qua sóng radio ở khoảng cách trung bình từ 1-30m để truyền dữ liệu về hệ thống máy tính trung tâm.



95

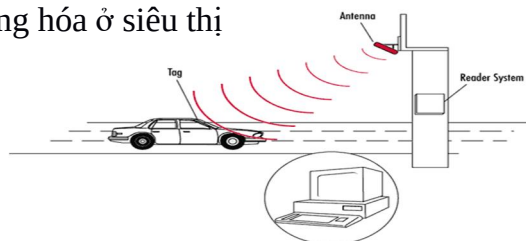
MỘT SỐ LOẠI VẬT MANG DỮ LIỆU

AHEAD
grow together

Nhận dạng tần số sóng vô tuyến - RFID

Ứng dụng

- v Quản lý kho hàng
- v Cây vào vật nuôi để theo dõi tránh thất lạc
- v Quản lý thư viện
- v Quản lý hàng lý trong hàng không
- v Giao thông công cộng
- v Quản lý hàng hóa ở siêu thị
- v



96

ỨNG DỤNG CỦA MÃ SỐ, MÃ VẠCH

AHEAD
grow together

Tại siêu thị

- Tính tiền thanh toán nhanh chóng, chính xác
- Có được số liệu thống kê hàng hóa, doanh số tức thời
- Theo dõi và kiểm soát kho thuận lợi



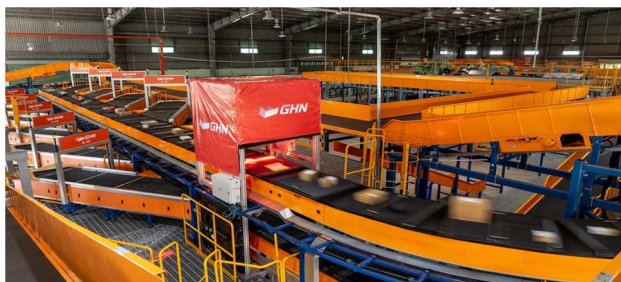
97

ỨNG DỤNG CỦA MÃ SỐ, MÃ VẠCH

AHEAD
grow together

Trong chuyển phát nhanh

- Rút ngắn thời gian phân loại thư từ, hàng gửi
- Giúp theo dõi được hành trình của bưu kiện



98

ỨNG DỤNG CỦA MÃ SỐ, MÃ VẠCH



Tại thư viện

- Ừ Biết được chính xác tên sách, vị trí
- Ừ Kiểm kê nhanh chóng, chính xác
- Ừ Giảm bớt hoạt động ghi chép thủ công



99

ỨNG DỤNG CỦA MÃ SỐ, MÃ VẠCH



Quản lý kho

- Ừ Kiểm kê nhanh chóng chính xác
- Ừ Kiểm soát được hạn sử dụng để có thể nhập trước xuất trước
- Ừ Thống kê hàng hóa để xây dựng kế hoạch nhập hàng



100

ỨNG DỤNG CỦA MÃ SỐ, MÃ VẠCH



Quản lý nhân sự

- Kiểm soát thời gian ra vào
- Giúp tính công trả lương tự động



101

ỨNG DỤNG CỦA MÃ SỐ, MÃ VẠCH



Quản lý tài sản cơ quan

- Thống kê chính xác
- Biết được vị trí, lịch sử sử dụng của tài sản



102

ỨNG DỤNG CỦA MÃ SỐ, MÃ VẠCH

AHEAD
grow together

Quản lý hành lý hành không

- Nhanh chóng chính xác
- Không bị lẫn hoặc vận chuyển nhầm hàng lý



103

ỨNG DỤNG CỦA MÃ SỐ, MÃ VẠCH

AHEAD
grow together

Quản lý thu phí giao thông



104

AHEAD
grow together

- Giảm thiểu sai lỗi trong điều trị và cứu chữa người bệnh
- Đảm bảo đúng thuốc, đúng liều, đúng người, đúng bệnh ...



105

AHEAD
grow together

- Giảm xử lý nhập liệu thủ công, rút ngắn thời gian kê khai
- Thu thập dữ liệu chính xác, tự động

  	 	
BẢNG KẾ HOẠ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÀ, DỊCH VỤ BÁN RA		
<i>(Tên đơn vị hoặc chủ hàng GTGT của chi GTGT ngày 22 tháng 8 năm 2011)</i> [02] Ký hiệu thuế: Tháng "năm 2011"		
		Mã số VAT GTGT <i>(Số thuế của hàng, tháng và năm của chi GTGT ngày 22/08/2011 ngày 22/08/2011 của Bộ Tài chính)</i>
[02] Tên người nộp thuế: Công ty TNHH 25 [01] Số 1 của thuế: 0 1 0 1 2 4 3 1 5 0 3 [04] Tên người thụ hưởng: _____ [05] Số 1 của thuế: _____		
<i>Đơn vị thuế: Bảng Thuế</i>		
STT Ký hiệu Mã	Nội dung, chủng loại hàng hóa Nội dung, chủng loại hàng hóa	Tên người mua Mã số thuế người mua Mã định Đơn vị bán Đơn vị bán Đơn vị bán
(1)	(2)	(3)
1. Hàng bán, dịch vụ thông qua chi GTGT:		
Tổng		
2. Hàng bán, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%:		
1	1/01/137	01/01/123
2	1/01/137	01/01/123
3	1/01/137	01/01/123
4	1/01/137	01/01/123
5	1/01/137	01/01/123
6	1/01/137	01/01/123
7	1/01/137	01/01/123
8	1/01/137	01/01/123
9	1/01/137	01/01/123
10	1/01/137	01/01/123
11	1/01/137	01/01/123
12	1/01/137	01/01/123
13	1/01/137	01/01/123
14	1/01/137	01/01/123
15	1/01/137	01/01/123
16	1/01/137	01/01/123
17	1/01/137	01/01/123
18	1/01/137	01/01/123
19	1/01/137	01/01/123
20	1/01/137	01/01/123
21	1/01/137	01/01/123
22	1/01/137	01/01/123
23	1/01/137	01/01/123
24	1/01/137	01/01/123
25	1/01/137	01/01/123
26	1/01/137	01/01/123
27	1/01/137	01/01/123
28	1/01/137	01/01/123
29	1/01/137	01/01/123
30	1/01/137	01/01/123
31	1/01/137	01/01/123
32	1/01/137	01/01/123
33	1/01/137	01/01/123
34	1/01/137	01/01/123
35	1/01/137	01/01/123
36	1/01/137	01/01/123
37	1/01/137	01/01/123
38	1/01/137	01/01/123
39	1/01/137	01/01/123
40	1/01/137	01/01/123
41	1/01/137	01/01/123
42	1/01/137	01/01/123
43	1/01/137	01/01/123
44	1/01/137	01/01/123
45	1/01/137	01/01/123
46	1/01/137	01/01/123
47	1/01/137	01/01/123
48	1/01/137	01/01/123
49	1/01/137	01/01/123
50	1/01/137	01/01/123
51	1/01/137	

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (thông quan)	
Số tờ khai Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng Mã phần loại kiểm tra	30318997920 1
Mã loại hình	E21 3
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	CSGQRHVI
Ngày đăng ký	24/03/2020 22:01:26
Thời hạn tái nhập/ tái xuất	/ / -
Người xuất khẩu	
Mã	0312204859
Tên	Công Ty TNHH Dịch Vụ Hàng Hóa Đồng Phương
Mã bưu chính	(+84)43
Địa chỉ	88 Bạch Đằng, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Số điện thoại	028 3848 6596
Người ủy thác xuất khẩu	
Mã	
Tên	

106

CÁCH THỨC ĐĂNG KÝ MSMV



A – Hồ sơ trực tuyến

1. Đăng ký tài khoản

- ✓ Sử dụng trình duyệt web truy cập vào trang thông tin điện tử của Trung tâm Mã số mã vạch Quốc gia theo đường link: <http://vnpc.gs1.org.vn/>
- ✓ Làm theo hướng dẫn và tiến hành điền thông tin doanh nghiệp theo yêu cầu.
- ✓ Sau khi đăng ký tài khoản thành công, tên đăng nhập và mật khẩu (tạm thời) sẽ được gửi về địa chỉ mail được đăng ký.

107

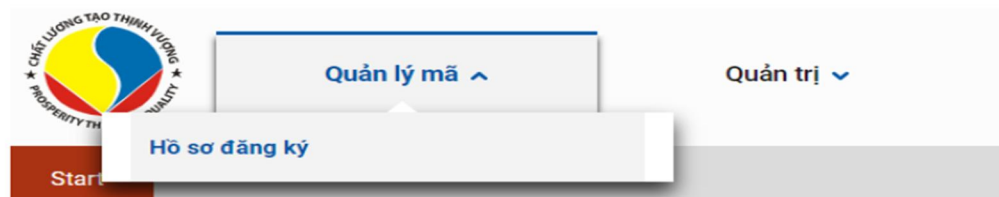
CÁCH THỨC ĐĂNG KÝ MSMV



A – Hồ sơ trực tuyến

2. Khai hồ sơ đăng ký

- ✓ Đăng nhập hệ thống
- ✓ Ấn vào mục [Quản lý mã] chọn [Hồ sơ đăng ký]



108

CÁCH THỨC ĐĂNG KÝ MSMV



A – Hồ sơ trực tuyến

2. Khai báo hồ sơ đăng ký

- Chọn vào biểu tượng [Đăng ký mới] để điền thông tin Hồ sơ đăng ký

- Điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu và lựa chọn hình thức thanh toán đến khi hệ thống sẽ thông báo đã đăng ký mã thành công.

109

CÁCH THỨC ĐĂNG KÝ MSMV



B – Nộp phí

- Nộp phí trực tiếp
- Nộp phí qua tài khoản ngân hàng

Thông tư số
232/2016/TT-BTC
ngày 11/11/2016 của Bộ
Tài chính quy định mức
thu, chế độ thu, nộp,
quản lý và sử dụng phí
cấp mã số mã vạch

110

CÁCH THỨC ĐĂNG KÝ MSMV



C – Hồ sơ bản cứng

v Hồ sơ đăng ký bao gồm:

- q Bản đăng ký sử dụng MSMV.
- q Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập.
- q Bảng đăng ký danh mục sản phẩm sử dụng mã GTIN.
- q Bản photo Ủy nhiệm chi chuyển khoản phí đăng ký MSMV đối với doanh nghiệp đã nộp phí qua ngân hàng.

111

CÁCH THỨC ĐĂNG KÝ MSMV



BẢN ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG MÃ SỐ, MÃ VẠCH
APPLICATION FORM

Tên Tổ chức/Doanh nghiệp bằng tiếng Việt:
(Organization's Name in Vietnamese)

Tên Tổ chức/Doanh nghiệp bằng tiếng Anh:
(Organization's Name in English)

Địa chỉ bằng tiếng Việt:
(Address in Vietnamese)

Địa chỉ bằng tiếng Anh:
(Address in English)

Điện thoại (Tel) Fax:
Website: E-mail:

Tài khoản (Account):
Ngân hàng (Bank):

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập: Số
Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Lĩnh vực hoạt động (Điền ✓ vào ô trống)

☐ Sản xuất ☐ Thương mại
☐ Dịch vụ ☐ Khác:

BẢNG ĐĂNG KÝ DANH MỤC SẢN PHẨM SỬ DỤNG MÃ GTIN

Tên Tổ chức/Doanh nghiệp:

Mã doanh nghiệp:

893.....

Số giấy chứng nhận:

TT	Tên sản phẩm	Mã vật phẩm/ thùng	Mã GTIN	Mô tả sản phẩm
1	Nước TK Anpha	00001	893 9876 00001 7	Nước tinh khiết, chai PET, 300 ml
1.1	Thùng chứa 12 chai	1 00001	1 893 9876 00001 4	12 chai/ thùng carton 30 cm x 50 cm x 15 cm
1.2	Thùng chứa 24 chai	2 00001	2 893 9876 00001 1	24 chai/ thùng carton 40 cm x 60 cm x 20 cm
2	Nước TK Anpha	00002	893 9876 00002 4	Nước tinh khiết, chai PET, 500ml
2.1	Thùng chứa 12 chai	1 00002	1 893 9876 00002 1	12 chai/ thùng carton 30 cm x 50 cm x 15 cm
2.2	Thùng chứa 24 chai	2 00002	2 893 9876 00002 8	24 chai/ thùng carton 40 cm x 60 cm x 20 cm
3	Nước TK Anpha	00003	893 9876 00003 1	Nước tinh khiết, chai PET, 1500 ml
4	Lọc chai 300 ml	00004	893 9876 00004 8	Nước tinh khiết, 3 chai /lốc, 900 ml
5	Lọc chai 500 ml	00005	893 9876 00005 5	Nước tinh khiết, 3 chai /lốc, 1,5 l
...	...	...	...	...

112

CÁCH THỨC ĐĂNG KÝ MSMV

AHEAD
grow together

- v Sau khi được cấp mã doanh nghiệp, doanh nghiệp tự quy định mã số phân định vật phẩm / địa điểm và lập các loại MSMV để gửi Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng để quản lý chung.
- v Tạo mã vạch bằng cách:
 - q Trang web <https://barcode.tec-it.com/en>
 - q Phần mềm tạo mã vạch: Barcode Generator, Matrix Label, ...
 - q Các công ty in ấn, thiết kế
- v Lựa chọn cách in MSMV lên sản phẩm: Đặt hàng nhà cung cấp để in ấn: thông thường in mã vạch kết hợp in nhãn mác bao bì hoặc in riêng rồi dán lên bao bì sản phẩm.



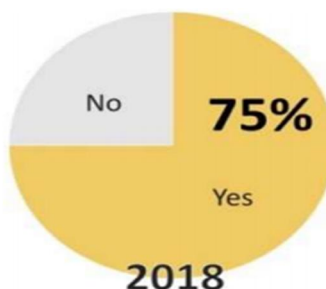
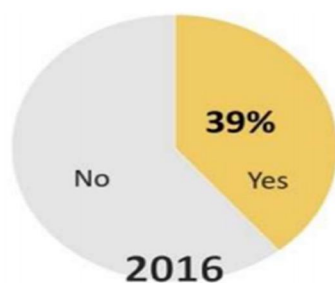
113

THỰC TRẠNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC TRONG NÔNG NGHIỆP, THỰC PHẨM

AHEAD
grow together

Kết quả khảo sát

Bạn có muốn đổi sang mua sản phẩm - thương hiệu khác được cung cấp thông tin sâu hơn là ghi trên nhãn không?



Pháp hay Đà Lạt



Úc hay Ấn độ

114

THỰC TRẠNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC TRONG NÔNG NGHIỆP, THỰC PHẨM

AHEAD
grow together

Kết quả khảo sát

30 doanh nghiệp vừa và nhỏ trong sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu nông sản

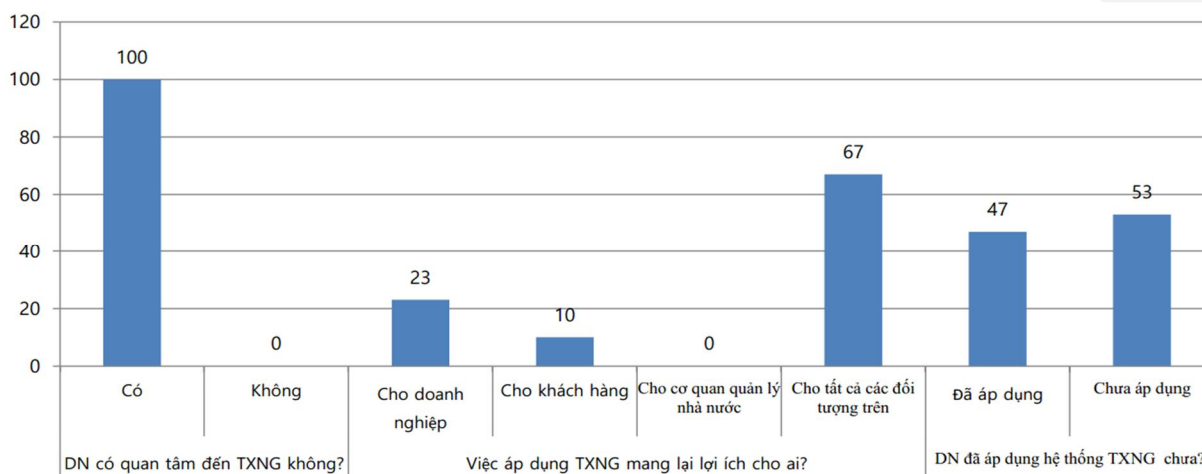


115

THỰC TRẠNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC TRONG NÔNG NGHIỆP, THỰC PHẨM

AHEAD
grow together

Nhận thức và thực tế áp dụng TXNG của doanh nghiệp vừa và nhỏ

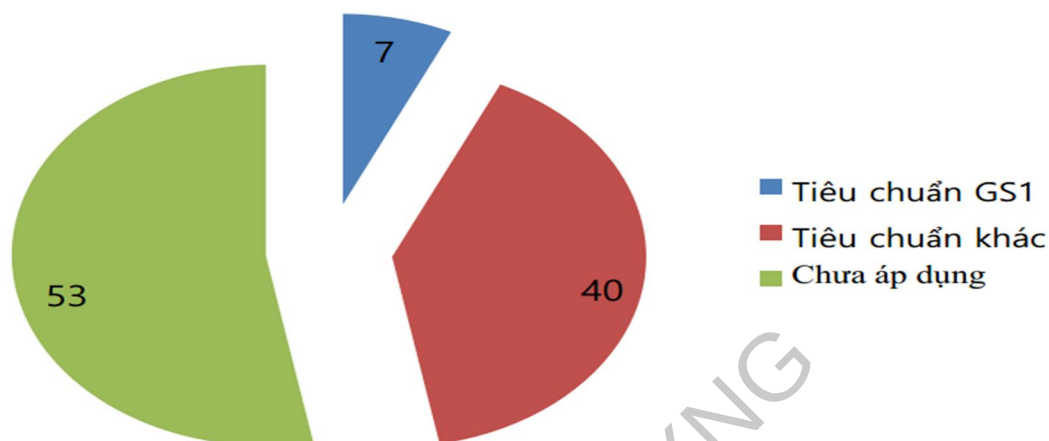


116

THỰC TRẠNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC TRONG NÔNG NGHIỆP, THỰC PHẨM



Hiện trạng áp dụng tiêu chuẩn hệ thống TXNG tại doanh nghiệp



117

THỰC TRẠNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC TRONG NÔNG NGHIỆP, THỰC PHẨM



Đánh giá về điều kiện cần thiết để áp dụng hệ thống TXNG

TT	Điều kiện cần thiết	Đánh giá theo thang điểm từ thấp (1) đến cao (5)									
		1		2		3		4		5	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Giấy phép đăng ký kinh doanh							5	16.7	25	83.3
2	Giấy chứng nhận mã số doanh nghiệp							5	16.7	25	83.3
3	Thông tin về sản phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, đóng gói ...					6	20.0	21	70.0	3	10.0
4	Mã sản phẩm, vùng trồng					16	53.3	14	46.7		
5	Áp dụng quy trình sản xuất tiêu chuẩn					16	53.3	13	43.3	1	3.3
6	Đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng ATTP (VietGap, GlobalGap, ...)					16	53.3	13	43.3	1	3.3

118

THỰC TRẠNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC TRONG NÔNG NGHIỆP, THỰC PHẨM



Đánh giá về kiến thức cần có để áp dụng hệ thống TXNG

TT	Kiến thức cần có	Đánh giá theo thang điểm từ thấp (1) đến cao (5)									
		1		2		3		4		5	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Kiến thức chuyên môn sâu về sản phẩm cung cấp					4	13.3			26	86.7
2	Kiến thức chung về các quy định, tiêu chuẩn đối với xuất khẩu sản phẩm vào thị trường (Trung Quốc, Nhật, Mỹ, EU ...)					16	53.3	14	46.7		
3	Kiến thức chung về TXNG áp dụng theo tiêu chuẩn GS1	1	3.3	12	40.0	4	13.3	13	43.3		
4	Kiến thức về vận hành hệ thống TXNG tại đơn vị	1	3.3	16	53.3	13	43.3				

119

THỰC TRẠNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC TRONG NÔNG NGHIỆP, THỰC PHẨM



Đánh giá năng lực cần có để vận hành hệ thống TXNG theo GS1

TT	Kiến thức cần có	Đánh giá theo thang điểm từ thấp (1) đến cao (5)									
		1		2		3		4		5	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Lãnh đạo có định hướng, kế hoạch phát triển, tổ chức sản xuất theo định hướng 4.0			4	13.3	25	83.3	1	3.3		
2	Có đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn tốt, có khả năng nắm bắt thông tin, kỹ thuật khi được hướng dẫn, chuyển giao					4	1.3	26	86.7		
3	Năng lực triển khai hệ thống TXNG vào thực tiễn sản xuất và kinh doanh (gồm năng lực chuyên môn về quản lý trang trại, năng lực ứng dụng CNTT và thiết bị ...)	1	3.3	26	86.7	3	10.0				

120

THỰC TRẠNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC TRONG NÔNG NGHIỆP, THỰC PHẨM



Mức độ đáp ứng về hệ thống TXNG theo GS1

TT	Kiến thức cần có	Đánh giá theo thang điểm từ thấp (1) đến cao (5)									
		1		2		3		4		5	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Khi TXNG chúng ta truy được sản phẩm đó có quá trình hình thành, luân chuyển thế nào, các đơn vị nào tham gia vào việc tạo ra sản phẩm	27	90	3	10						
2	Thông tin của sản phẩm khi truy xuất phải thể hiện giống như công bố đã lưu hành	16	53.3					14	46.7		
3	Có sự kiểm tra, giám sát của bên thứ ba trong toàn bộ chuỗi quá trình tạo ra sản phẩm đó	27	90	3	10						
4	Có nhật ký điện tử về toàn bộ quá trình hình thành ra sản phẩm	27	90	3	10						
											121

THỰC TRẠNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC TRONG NÔNG NGHIỆP, THỰC PHẨM



Mô hình TXNG thường gặp không đúng quy định

1. Mô hình nhập hồi ký bằng tay từ Sổ ghi chép rồi tạo ra QR code và dán lên sản phẩm



2. Mô hình tự khai báo trên mạng, tự tạo QR code rồi tự in và tự dán tem truy xuất theo ý muốn

Bước 1 :
Tự khai báo thông tin lên trang web của nhà cung cấp dịch vụ tạo code

Bước 2
In tem nhãn để dán lên sản phẩm

Số lượng tem ít

Tự in tự dán



Số lượng tem nhiều

Liên hệ với nhà cung cấp để in tem và tự dán

122

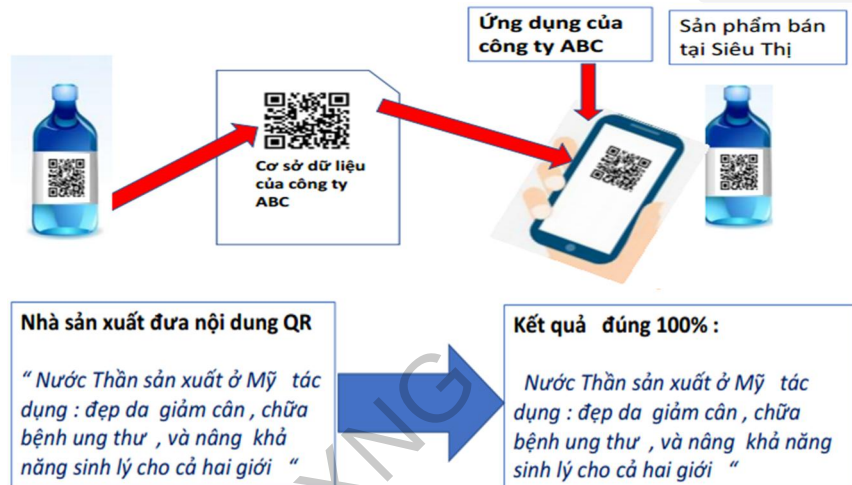
THỰC TRẠNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC TRONG NÔNG NGHIỆP, THỰC PHẨM



Mô hình TXNG thường gặp không đúng quy định

3. Mô hình trả tiền dịch vụ lưu trữ thông tin

- + Doanh nghiệp trả tiền để nhà cung cấp dịch vụ lưu trữ nội dung của QR code như ý muốn
- + Người dùng phải đọc bằng ứng dụng của NCC dịch vụ
- + Kết quả truy xuất giống như nội dung đã trả tiền dịch vụ



123

THỰC TRẠNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC TRONG NÔNG NGHIỆP, THỰC PHẨM



Đánh giá chung

- v Chưa có quy định về thông tin cần truy xuất (nội dung, mức độ truy xuất ...)
- v Chủ yếu cung cấp thông tin về nhà phân phối trực tiếp, chưa có thông tin về các nhà cung cấp phía trước của chuỗi.
- v Cơ sở dữ liệu: do các công ty cung cấp giải pháp xây dựng, quản lý ề không đồng nhất, khó đồng bộ hóa.
- v Cần xây dựng quy định chứng nhận hệ thống TXNG đạt chuẩn để kết nối thông tin trong nước và quốc tế.

124

THỰC TRẠNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC TRONG NÔNG NGHIỆP, THỰC PHẨM

AHEAD
grow together

Đánh giá chung

- ✓ Không có quy định cơ quan Nhà nước được quyền truy cập cơ sở dữ liệu để quản lý.
- ✓ Cơ quan Nhà nước kiểm tra ATTP, kiểm tra hệ thống TXNG và thông tin công bố còn hạn chế.



125

THỰC TRẠNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC TRONG NÔNG NGHIỆP, THỰC PHẨM

AHEAD
grow together

Điểm mạnh

- ✓ Doanh nghiệp nhận thức TXNG đóng vai trò quan trọng và bắt buộc.
- ✓ Cơ quan Nhà nước đã từng bước tham gia vào hệ thống.
- ✓ Hợp tác theo chuỗi từng bước được tăng cường.
- ✓ Niềm tin của người tiêu dùng với một số chuỗi nông sản từng bước được tăng lên, thuận lợi thương mại, tăng khả năng tiếp cận thị trường.

126

THỰC TRẠNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC TRONG NÔNG NGHIỆP, THỰC PHẨM



Điểm cần cải thiện

- ✓ Thực trạng tem TXNG tại Việt Nam chưa chuẩn hóa về nội dung, hình thức, việc áp dụng TXNG chưa được thực hiện thống nhất, bài bản và có hệ thống.
- ✓ Các doanh nghiệp vẫn còn những khoảng trống lớn về nhận thức, kiến thức, năng lực ... để áp dụng hệ thống TXNG.
- ✓ Truy xuất mới chỉ áp dụng trong nội bộ.
- ✓ Thông tin truy xuất công bố chưa đầy đủ trong toàn chuỗi.
- ✓ Chưa có quy định về trách nhiệm cụ thể của các bên liên quan.

127

THỰC TRẠNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC TRONG NÔNG NGHIỆP, THỰC PHẨM



Các sản phẩm nông nghiệp ưu tiên xây dựng hệ thống TXNG

- Gạo
- Cà phê
- Tiêu
- Trà
- Tôm
- Nước mắm
- Một số loại quả (cam, táo, thanh long..)



128

THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC VÀ NHỮNG THAY ĐỔI



Tổng quan

- v Việt Nam là nước xuất khẩu nông sản lớn thứ 16 thế giới và đứng thứ 2 trong khối ASEAN.
- v Năm 2019, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông sản của Việt Nam sang Trung Quốc đạt 10,9 tỷ USD, chiếm 24% tổng giá trị xuất khẩu nông lâm thủy sản chính của Việt Nam.
- v Các mặt hàng đạt kim ngạch lớn như: rau quả, hạt điều, cà phê, gạo, sắn và các sản phẩm từ sắn, cao su ...



129

THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC VÀ NHỮNG THAY ĐỔI



Tổng quan

- v Trung Quốc hiện là thị trường xuất khẩu lớn nhất, chiếm trên 70% kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam.
- v Với chính sách ưu tiên nhập khẩu chính ngạch, chỉ có các loại rau quả được Trung Quốc cấp phép, có đăng ký mã số vùng trồng mới được nhập khẩu.
- v Trung Quốc là thị trường số 1 về xuất khẩu trái cây của Việt Nam với cơ cấu 70-80% tổng kim ngạch xuất khẩu trái cây của Việt Nam.



130

THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC VÀ NHỮNG THAY ĐỔI

AHEAD
grow together

Mặt hàng ưu tiên xuất khẩu sang Trung Quốc

- v Nhóm 1: sản phẩm đang được xuất khẩu chính ngạch sang Trung Quốc gồm 9 loại như xoài, nhãn, chuối, vải, dưa hấu, chôm chôm, mít, thanh long, măng cụt
- v Nhóm 2: sản phẩm đang đàm phán mở cửa thị trường tại Trung Quốc gồm sầu riêng, bưởi, chanh leo, bơ, na, dứa
- v Nhóm 3: sản phẩm có tiềm năng xuất khẩu sang Trung Quốc gồm dứa, ổi, mận, chanh tươi, cam, quýt, vú sữa, na, đu đủ



131

THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC VÀ NHỮNG THAY ĐỔI

AHEAD
grow together

Kim ngạch xuất khẩu giảm ở thị trường Trung Quốc?

Nông sản bị ứ đọng ở các cửa khẩu?



132

THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC VÀ NHỮNG THAY ĐỔI

Yêu cầu nghiêm ngặt về hàng nhập khẩu

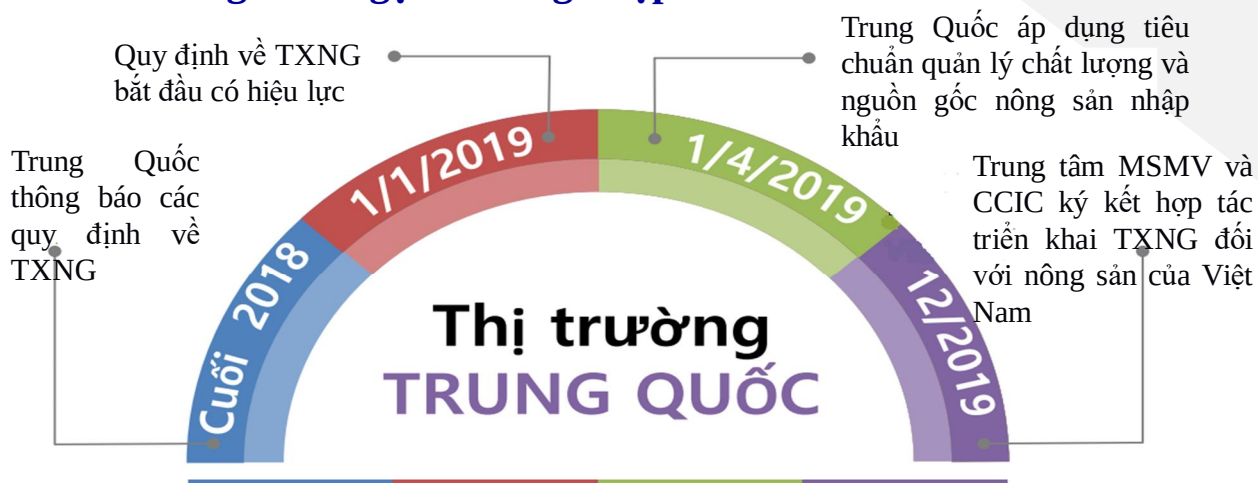


- Ø Kiểm dịch
- Ø Nguồn gốc xuất xứ hàng hóa
- Ø Đặc biệt là từ năm 2019, Trung Quốc yêu cầu nghiêm ngặt về **truy xuất nguồn gốc**, chất lượng, vệ sinh ATTP, bảo quản, đóng gói

133

THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC VÀ NHỮNG THAY ĐỔI

Yêu cầu nghiêm ngặt về hàng nhập khẩu



134

THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC VÀ NHỮNG THAY ĐỔI

AHEAD
grow together



中检集团溯源技术服务有限公司
CCIC TRACEABILITY TECHNOLOGY SERVICE CO., LTD.



商品名称 西瓜-VN-BDOR-0013

商品信息 果园信息 追溯信息

车牌信息: 77C12033
对应溯源码段: 000000627974785~000000627983784
数量: 9000
果园注册号: VN-BDOR-0013
原产地: 越南
进口商名称: 宁明县凯盛贸易有限公司
原产国: 越南
生产企业: VN-BDOR-0013

135

THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC VÀ NHỮNG THAY ĐỔI

AHEAD
grow together

Làm thế nào để đáp ứng yêu cầu TXNG từ Trung Quốc

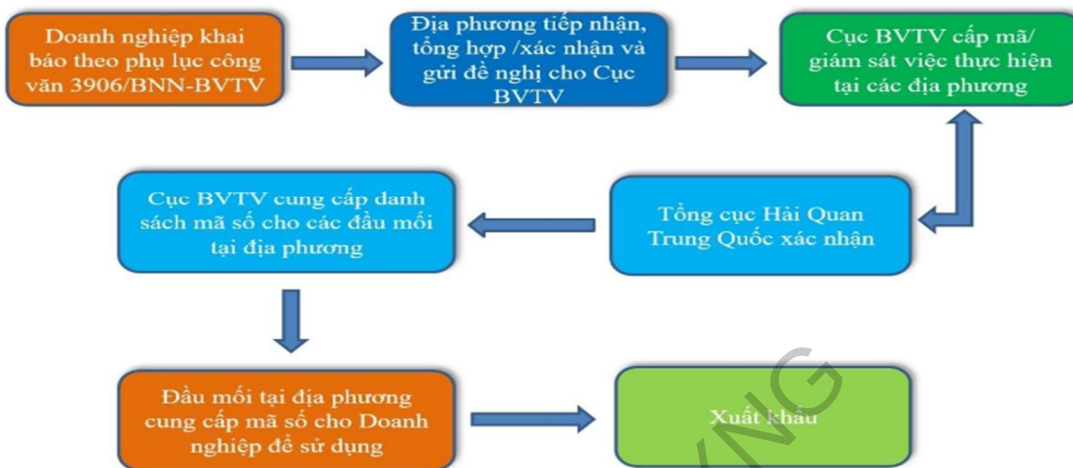
- v Để cung cấp được mã số các vùng trồng thì phải đảm bảo các yêu cầu theo quy định và liên hệ với cơ quan nông nghiệp ở địa phương và Trung ương để được hướng dẫn cụ thể.
- v Chủ động phối hợp với nhà nhập khẩu Trung Quốc nghiên cứu và tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn chất lượng, kiểm nghiệm, kiểm dịch, bao bì đóng gói, TXNG của thị trường Trung Quốc
- v Từng bước áp dụng hệ thống TXNG theo tiêu chuẩn GS1

136

THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC VÀ NHỮNG THAY ĐỔI

AHEAD
grow together

**Trình tự các bước cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói hoa quả
xuất khẩu sang Trung Quốc**



137

THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC VÀ NHỮNG THAY ĐỔI

AHEAD
grow together

Cấp phát tem TXNG xuất khẩu sang Trung Quốc

- 1 Đơn vị sở hữu vùng trồng, vùng nuôi gửi đề nghị cấp mã lên cơ quan nông nghiệp của tỉnh và Trung ương (Trung tâm MSMV Quốc gia là đơn vị phối hợp).
- 2 Tổ chức cung ứng dịch vụ TXNG hỗ trợ cập nhật và hướng dẫn các đơn vị chuẩn hóa thông tin theo quy định về TXNG và yêu cầu của nước nhập khẩu.
- 3 Trung tâm MSMV Quốc gia phối hợp cùng CCIC thành lập đoàn đánh giá thực tế và cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn TXNG.



138

THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC VÀ NHỮNG THAY ĐỔI



Cấp phát tem TXNG xuất khẩu sang Trung Quốc

- 4 Hải quan Trung Quốc xác nhận thông tin mã vùng trồng, vùng nuôi và cập nhật dữ liệu vào hệ thống kiểm soát của hải quan.
- 5 Trung tâm MSMV Quốc gia và tổ chức cung ứng dịch vụ TXNG cấp phát tem TXNG xuất khẩu cho đơn vị sở hữu vùng trồng, vùng nuôi đã được xác thực và chứng nhận.



139

XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH



Nghị định 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 xử phạt VPHC trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng SPHH

Điều 32. Vi phạm quy định về sử dụng mã số mã vạch

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
 - a) Không đăng ký lại với cơ quan có thẩm quyền khi có sự thay đổi về tên gọi, địa chỉ giao dịch trên giấy phép kinh doanh hoặc không thông báo bằng văn bản khi giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số mã vạch bị mất hoặc hỏng;
 - b) Không làm thủ tục gia hạn khi giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số mã vạch hết hiệu lực;
 - c) Không xuất trình được văn bản hợp pháp chứng minh về quyền sử dụng mã số mã vạch khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu;
 - d) Không khai báo và cập nhật danh mục các mã số thương phẩm toàn cầu (GTIN) và mã số địa điểm toàn cầu (GLN) được sử dụng cho cơ quan có thẩm quyền;
2. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
 - a) Sử dụng mã số mã vạch có đầu mã Quốc gia Việt Nam (893) mà chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp quyền sử dụng mã số mã vạch;
 - b) Sử dụng mã số mã vạch đã bị thu hồi;
 - c) Bán, chuyển nhượng mã số mã vạch đã được cấp.

140

XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH



Nghị định 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017

Điều 33. Vi phạm về sử dụng giấy chứng nhận, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số mã vạch

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
 - a) Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số mã vạch không đúng thẩm quyền;
 - b) Sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số mã vạch không do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số mã vạch đối với vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

141

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRONG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

Thuê tổ chức cung cấp dịch vụ TXNG

1. Tìm hiểu thông tin của doanh nghiệp: thông tin công ty, thông tin và quy mô sản phẩm, vùng sản xuất, nhà xưởng, cơ sở chế biến đóng gói ...
2. Khảo sát quy trình, đường đi sản phẩm để thiết lập quy trình TXNG cho mỗi sản phẩm, mỗi chuỗi cung ứng.
3. Thống nhất quy trình, thiết lập tài khoản trên hệ thống TXNG
4. Thiết lập và in tem QR code theo yêu cầu của doanh nghiệp (thông tin của doanh nghiệp chuẩn sẽ có QR code, thông tin của doanh nghiệp và thông tin tổ chức cung cấp dịch vụ TXNG).
5. Đào tạo sử dụng phần mềm, các quy định về nhập liệu thời gian thực cho nhật ký sản phẩm. Hướng dẫn sử dụng tem, kích hoạt tem trên phần mềm.
6. Hỗ trợ, bảo hành.



142

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRONG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

Tự thực hiện TXNG sản phẩm qua ứng dụng

1. Chọn ứng dụng phù hợp để đăng ký và đăng nhập
2. Mời tất cả thành viên trong chuỗi liên kết giá trị đăng ký vào hệ thống
3. Cập nhật thông tin của các thành viên liên quan trong chuỗi liên kết
4. Nhặt ký điện tử giúp minh bạch và chứng minh nguồn gốc xuất xứ sản phẩm, lịch sử sản xuất – phân phối – lưu hành sản phẩm và lịch sử hoạt động của các thành viên trong chuỗi liên kết.
5. Các thành viên trong chuỗi liên kết tạo mã truy xuất nguồn gốc cho các vật tư, nguyên liệu ... cho đến khi tạo ra sản phẩm
6. Tải mã TXNG in ra và dán lên sản phẩm
7. Tiếp tục cùng các thành viên trong chuỗi liên kết ghi lại mọi hoạt động liên quan đến việc sản xuất, chế biến, phân phối sản phẩm

AHEAD
grow together



143

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRONG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

Dạng tem truy xuất nguồn gốc



Dạng 1. Tem cố định code

Khi quét mã QR code sẽ hiển thị thông tin cố định của một loại sản phẩm, tương tự MSMV theo GS1. Để quản lý số lượng bao gói bán ra sẽ được in tem có mã số seri, khi xuất bán phải theo dõi số seri với khách hàng tương ứng.

AHEAD
grow together



Giá đỗ Nguyễn Chiến

Mã sản phẩm: GDX01

Tiêu chuẩn: VietGAP trồng trọt

Giá đỗ xanh được sản xuất bằng nguồn nguyên liệu hạt rõ ràng nguồn gốc, giá thể bằng bông gòn, nước tưới sử dụng bằng nước thủy cục đáp ứng quy định của Bộ Y tế về nước ăn uống. Được bao gói hờ trong bao PE hờ, hoặc buộc từng bó bằng dây cước.



GIẤY CHỨNG NHẬN CERTIFICATE

Chứng nhận quy trình thực hành sản xuất của

Cơ sở Gia Mầm Nguyễn Chiến

Địa chỉ/Address:

Ấp 1, xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại/Telephone: 091.635053

Sản phẩm/Product: Giá đỗ



144

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRONG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC



Dạng tem truy xuất nguồn gốc



Dạng 2. Tem có code biến đổi theo lô

Khi quét mã QR code sẽ hiển thị thông tin như dạng 1 và số lô, ngày sản xuất, hạn sử dụng, cảnh báo khi sản phẩm hết hạn ... Để TXNG phải có sự liên kết giữa mã số lô sản xuất với hồ sơ như dạng 1.

GIÁ ĐỒ NGUYỄN CHIẾN

Tiêu chuẩn: Tự công bố theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP

Mã sản phẩm: GDX02

Mã sản xuất: e6q7p9xwh

Lô sản xuất: Lô 7/11.19

Ngày sản xuất: 09-11-2019

Hạn sử dụng: 12-11-2019 **Đã hết hạn sử dụng**

Ngày kích hoạt tem: 10-11-2019

Giá đồ được sản xuất từ hạt đậu xanh, được xem là một loại rau mầm có hàm lượng dinh dưỡng cao. Trong giá đồ có chứa nhiều vitamin và khoáng chất (Protein, Vitamin C, Acid Folic, Enzyme...).

Bản tự công bố:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 01/NC/2019

Mẫu số 01



145

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRONG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC



Dạng tem truy xuất nguồn gốc



Dạng 3. Tem có code biến đổi theo lô bao gồm nhật ký sản xuất

Khi quét mã QR code sẽ hiển thị thông tin như dạng 2 và có nhật ký sản xuất đi kèm. Doanh nghiệp phải cập nhật hồ sơ điện tử quá trình sản xuất tạo sản phẩm

Giá đồ Nguyễn Chiến

Tiêu chuẩn: VietGAP trồng trọt

Mã sản phẩm: GDX01

Mã sản xuất: 4L1VLUS8F

Lô sản xuất: Lô 5/11/19

Ngày sản xuất: 08-11-2019

Hạn sử dụng: 11-11-2019 **Đã hết hạn sử dụng**

Ngày kích hoạt tem: 08-11-2019

Giá đồ xanh được sản xuất bằng nguồn nguyên liệu hạt rõ ràng nguồn gốc, giá thể bằng bông gòn, nước tưới sử dụng bằng nước thủy cục đáp ứng quy định của Bộ Y tế về nước ăn uống. Được bao gói hút trong bao PE hơ, hoặc buộc từng bó bằng dây cói.

CHỨNG NHẬN

NHẬT KÝ SẢN XUẤT



146

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRONG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

Dạng tem truy xuất nguồn gốc

AHEAD
grow together



CHỨNG NHẬN

NHẬT KÝ SẢN XUẤT

1. Hướng dẫn mua nguyên liệu

1.1. Nhập nguyên liệu

Ngày	Tên nguyên liệu	Số lượng	NCC	Lô số
03/11/2019 09:17	Đỗ Xanh	50kg	PTBICH	L311

2. Theo dõi quá trình ủ giá

2.1. Nhật ký chuẩn bị giá thể và ủ

Ngày	Nội dung	Chú thích	Người thực hiện
04/11/2019 08:10	Chuẩn bị giá thể	Bông gòn trộn trấu	Nguyễn Chiến

2.2. Nhật ký sản xuất giá đỗ

Ngày	Công việc	Nhận xét	Người thực hiện
08/11/2019 09:24			
05/11/2019 08:25	Tưới thêm nước, kiểm tra	Ấm ướt, chưa nảy mầm	Nguyễn Chiến
06/11/2019 07:45	Tưới nước, kiểm tra	Ấm ướt, đã nảy mầm	Nguyễn Chiến
07/11/2019 07:50	Tưới nước, kiểm tra	Ấm ướt, mầm dài khoảng 3cm	Nguyễn Chiến

2.3. Nhật ký thu hoạch

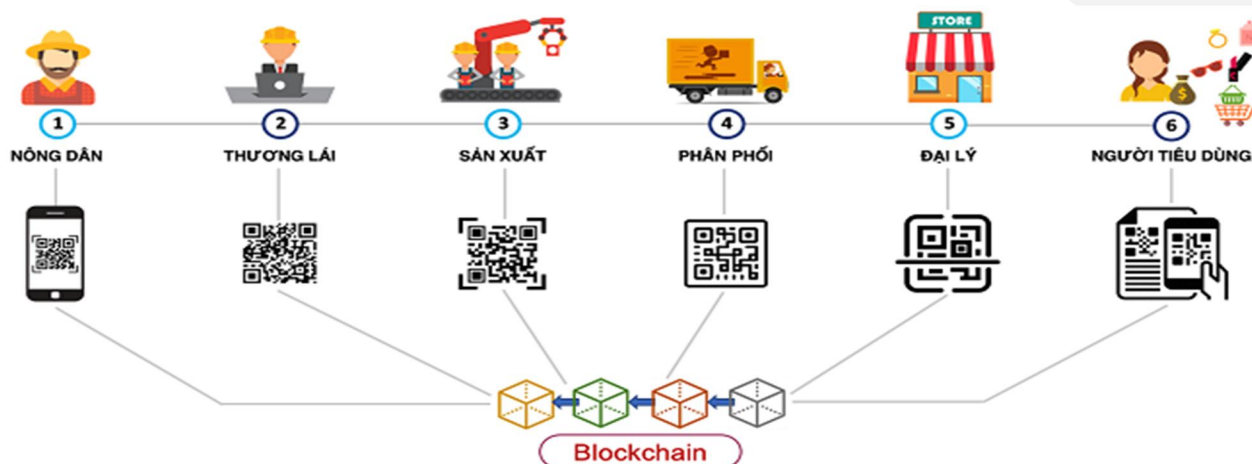
Ngày	Tổng khối lượng	Số lượng bao gói	Người thực hiện	Mã tem truy xuất
08/11/2019 09:27	20kg	20 gói	Phạm Thị	Từ 01-20

147

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRONG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

Công nghệ Blockchain

AHEAD
grow together



148

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRONG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

10 yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng của NTD

AHEAD
grow together

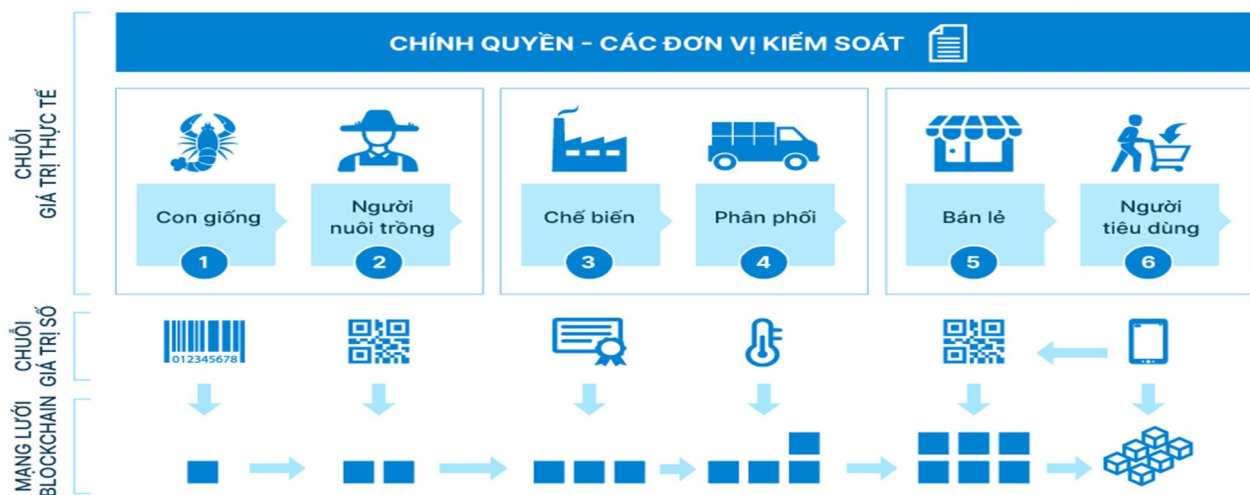


149

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRONG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

Chuỗi cung ứng thủy sản

AHEAD
grow together



150

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRONG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC



Chuỗi cung ứng thủy sản

1. Cung cấp giống: thông tin về con giống, thức ăn, thuốc trị bệnh, máy móc ...
2. Nuôi trồng: thông tin về người nuôi trồng và quá trình nuôi trồng thủy sản cũng như điều kiện thời tiết, tình trạng vật nuôi ...
3. Chế biến: thông tin về nhà máy, thiết bị, phương pháp chế biến, số lô sản phẩm, giao dịch giữa đơn vị chế biến và đơn vị phân phối ...
4. Phân phối: thông tin về phương tiện vận chuyển, tuyến đường, điều kiện bảo quản (nhiệt độ, độ ẩm), thời gian vận chuyển, giao dịch giữa nhà phân phối và nhà bán lẻ.
5. Bán lẻ: thông tin về từng loại mặt hàng, số lượng, chất lượng, điều kiện bảo quản, thời gian trên kệ ...
6. Tiêu dùng: mắt xích cuối trong chuỗi giá trị, người tiêu dùng sử dụng điện thoại để xem toàn bộ thông tin từ nhà cung cấp giống tới nhà bán lẻ

151

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRONG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC



Ứng dụng Blockchain trong chuỗi giá trị nông nghiệp

- v Cập nhật thông tin nhanh chóng theo thời gian thực và kết nối thông tin: Dữ liệu của sản phẩm qua từng mắt xích được lưu trữ và liên kết theo chuỗi.
- v Dữ liệu được bảo mật và đáng tin cậy: Tất cả thông tin được đưa lên mạng lưới sẽ không được thay đổi bởi bất kỳ ai vì nó được bảo mật và sở hữu chung.
- v Khả năng truy cập dữ liệu nhanh chóng.

Khó khăn

Ý chí hành động và chưa tạo được cộng đồng tham gia

152

MỘT SỐ TIÊU CHUẨN VIỆT NAM VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC



TT	Số hiệu	Tên tiêu chuẩn
1	TCVN 9086:2011	Mã số mã vạch GS1 - Thuật ngữ và định nghĩa
2	TCVN 6939:2019	Mã số vật phẩm – Mã số thương phẩm toàn cầu 13 chữ số - Yêu cầu kỹ thuật
3	TCVN 7825:2019	Công nghệ thông tin – Kỹ thuật phân định và thu thập dữ liệu tự động – Yêu cầu kỹ thuật mã vạch EAN/UPC
4	TCVN 7199:2017	Phân định và thu thập dữ liệu tự động – Mã số địa điểm toàn cầu GS1 – Yêu cầu kỹ thuật
5	TCVN 6512:2007	Mã số mã vạch vật phẩm – Mã đơn vị thương mại – Yêu cầu kỹ thuật
6	TCVN 7200:2017	Mã số mã vạch vật phẩm – Mã Côngtenơ vận chuyển theo Xê-ri (SSCC)
7	TCVN 7639:2007	Mã toàn cầu phân định tài sản có thể quay vòng (GRAI) và Mã toàn cầu phân định tài sản riêng (GIAI) – Yêu cầu kỹ thuật

153

MỘT SỐ TIÊU CHUẨN VIỆT NAM VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC



TT	Số hiệu	Tên tiêu chuẩn
8	TCVN 6940:2007	Mã số vật phẩm – Mã số thương phẩm toàn cầu 8 chữ số - Yêu cầu kỹ thuật
9	TCVN 6754:2007	Mã số mã vạch vật phẩm – Số phân định ứng dụng GS1
10	TCVN 6756:2009	Mã số mã vạch vật phẩm – Mã số mã vạch GS1 cho sách và xuất bản phẩm nhiều kỳ - Yêu cầu kỹ thuật
11	TCVN 12850:2018	Truy xuất nguồn gốc – Yêu cầu chung đối với hệ thống TXNG
12	TCVN 12851:2019	Truy xuất nguồn gốc – Yêu cầu đối với tổ chức đánh giá và chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc
13	TCVN 12827:2019	Truy xuất nguồn gốc – Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng rau quả tươi
14	TCVN 13167:2020	Truy xuất nguồn gốc – Các tiêu chí đánh giá đối với hệ thống truy xuất nguồn gốc thực phẩm

154

MỘT SỐ TIÊU CHUẨN VIỆT NAM VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

TT	Số hiệu	Tên tiêu chuẩn
15	TCVN 13166-1:2020	Truy xuất nguồn gốc – Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng thịt gia súc và gia cầm – Phần 1: Yêu cầu chung
16	TCVN 13166-2:2020	Truy xuất nguồn gốc – Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng thịt gia súc và gia cầm – Phần 2: Thịt trâu và thịt bò
17	TCVN 13166-3:2020	Truy xuất nguồn gốc – Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng thịt gia súc và gia cầm – Phần 3: Thịt cừu
18	TCVN 13166-4:2020	Truy xuất nguồn gốc – Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng thịt gia súc và gia cầm – Phần 4: Thịt lợn
19	TCVN 13166-5:2020	Truy xuất nguồn gốc – Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng thịt gia súc và gia cầm – Phần 5: Thịt gia cầm

155

HỎI & ĐÁP



156



Thank You!



Lê Đức Duy



0935.84.2012 / 0345.84.2012



ducduydn.ahead@gmail.com



www.iso-ahead.vn

www.isodientu.com.vn

AHEAD - TXNG